

DOÃN - QUỐC - SỸ — VIỆT - TỬ

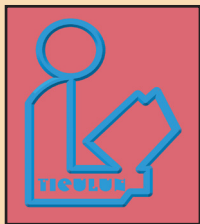
KHẢO LUẬN VỀ
NGUYỄN - CÔNG - TRÚ'



IN LẦN THỨ HAI

NAM SƠN **N.S'** XUẤT BẢN

KHẢO LUẬN VỀ NGUYÊN CÔNG TRÚ DOÃN QUỐC SỸ



VÀI NÉT LỊCH SỬ CHÍNH YẾU TRONG THỜI ĐẠI NGUYỄN CÔNG TRÚ

Năm Mậu Tuất (1778) Nguyễn-Nhạc tự xưng đế hiệu đặt niên hiệu là Thái-đức gọi thành Đồ bản là Hoàng đế thành. Năm Canh-tí (1780) sau khi khôi phục được đất Gia định, Nguyễn-phúc-Ánh xưng vương hiệu kết giao với Xiêm-La.

Năm Giáp-thìn (1784) hai vạn quân Xiêm-La cùng 300 chiến thuyền sang giúp Nguyễn-Vương. Nguyễn Huệ lừa quân Xiêm-La tới gần Rạch Gầm và Soài Mút ở phía trên Mỹ-tho, rồi đánh phá một trận, giết quân Xiêm chỉ còn vài nghìn người chạy theo đường thượng đạo trốn về nước. Rồi Nguyễn Huệ, sau khi lấy được đất Thuận Hóa, bèn đem quân ra Bắc-Hà lần thứ nhất dưới danh hiệu « Phù Lê diệt Trịnh ». Trịnh-Khải bị Nguyễn-Trang làm phản bắt sống, phải dùng gươm tự tận. Bảy giờ là năm Bính-ngọ (1786) Vua Hiến-Tông nhà Lê phong cho Nguyễn Huệ làm nguyên-soái Uy Quốc-Công, lại gả cho Ngọc-Hân Công-chúa là con gái Ngài. Chẳng bao lâu vua Hiến-Tông mất, Hoàng-tôn Duy-Kỳ lên nối ngôi đặt niên hiệu là Chiêu-Thống.

Nguyễn-Huệ đã dứt được họ Trịnh, Nguyễn-Nhạc sợ em ở lâu ngoài Bắc-Hà có sự biến chẳng bèn cũng đem quân đi gấp ngày đêm ra Bắc.

5 | Khảo Luận Về Nguyễn Công Trứ

Sau khi quyền bính đã trao trả nhà Lê, anh em Tây Sơn rút quân về Nam. Khi đó dòng dõi họ Trịnh là Trịnh-Lê và Trịnh-Bồng chia đảng ra đánh nhau để tranh quyền. Vua Chiêu-Thống bắt đắ dĩ phải phong cho Trịnh-Bồng làm Án-đô-Vương. Trịnh-Bồng lập lại phủ Chúa toan bề hiếp chế nhà vua, vua Chiêu-Thống phải xuống mật chiếu vời Nguyễn-hữu-Chỉnh ở Nghệ-An ra giúp.

Nguyễn-hữu-Chỉnh đánh đuổi họ Trịnh xong được Vua phong chức đại tư-đồ Bằng-trung-Công. Từ đó Hữu-Chỉnh cậy công khinh người, làm lắm điều trái phép. Vua cũng lầy làm lo mà không biết trông cậy vào ai.

Bắc-bình-Vương Nguyễn-Huệ ở Phú-xuân - (về chuyện hiềm khích với Nguyễn-Nhạc trước đó ít lâu đã chấm dứt và hai anh em đã giảng hòa) - thấy Hữu-Chỉnh lừng lẫy ở đất Bắc, bèn sai Vũ-văn-Nhậm ra đánh (1787) bắt được Chỉnh đem về làm tội ở Thăng-Long trong khi vua Lê bỏ kinh đô chạy sang Kinh Bắc.

Khi Bắc-Bình Vương Nguyễn Huệ sai Vũ-văn-Nhậm ra đánh Hữu-Chỉnh thì đã có lòng nghi Văn-Nhậm cho nên lại sai Ngô-văn-Sở và Phan-văn-Lân làm Tham tán quân vụ để chia bớt binh quyền. Khi đã được Ngô-văn-Sở mật báo là Văn-Nhậm ra bộ kiêu ngạo thì Bắc-bình-Vương lập tức kéo quân kỵ đêm ngày đi gấp đường ra Thăng Long, nửa đêm đến nơi bắt Vũ-văn-Nhậm giết

đi.

Kể đó vua Chiêu-Thống và bà Hoàng-thái-Hậu sang cầu cứu Trung-Hoa, năm Mậu thân (1788) quân nhà Thanh mượn tiếng sang giúp nhà Lê, chiếm cứ Thăng-Long có ý muốn lấy đất An-Nam. Bắc-bình-Vương bèn lên ngôi Hoàng-Đế đặt niên hiệu là Quang-Trung, rồi đem binh đi đánh giặc, phá mấy vạn quân Tàu, tướng nhà Thanh là Tôn-sĩ-Nghị phải bỏ cả ấn tín mà chạy. Vua Quang Trung ở ngôi trị nước được 4 năm, đến năm 1792 thì mất. Nguyễn-quang-Toản lên thay.

Nhân biết chuyện Nguyễn-Nhạc và Nguyễn Huệ đã có phen bất hòa, lại biết trong 3 anh em nhà Tây sơn chỉ có Nguyễn-Huệ là anh hùng kiệt hiệt hơn cả mà đã ra chuyên giữ mặt Bắc, còn mặt Nam phó mặc Nguyễn-Lữ là một người tầm thường. Nguyễn Ánh bèn nắm cơ hội đó dời Xiêm-La, nửa đêm xuống thuyền về nước, bấy giờ là tháng bảy năm Đinh Tỵ (1787). Tháng tám năm Mậu Thân (1788) quân Nguyễn-Vương đã chiếm được Gia-định. Nguyễn-Vương sửa sang mọi việc ở Gia định, quân dân cố sức khai-khẩn điền thổ, rồi ba lần ra đánh Qui-Nhơn, chiếm được thành này (1799) lại tiến ra thu-phục Phú-Xuân (1801). Tháng 5 năm Nhâm tuất (1802) Nguyễn-Vương lập đàn tế cáo trời đất, rồi thiết triều để các quan châu mừng, và đặt niên hiệu là Gia-Long nguyên niên.

7 | Khảo Luận Về Nguyễn Công Trứ

Kể từ năm 1778 đến 1802 Nguyễn Ánh đánh và thắng Tây-Son, thống nhất Trung Nam Bắc, đã biết bao máu đào của tướng sĩ đổ ra. Tuy thống nhất được giang sơn nhưng vua Gia-Long chưa thống nhất được nhân tâm. Khi vua Gia-Long chết đi, kể từ năm 1820 đến 1892 ở nước ta xảy ra nhiều biến cố nghiêng ngửa đổ nát. Trước hết dưới đời Minh-Mệnh (1820-1840) và đời Tự-Đức (1847-1883) có nhiều cuộc nội biến, nhất là ở Bắc Kỳ và Nam-Kỳ : Phan-bá-Vành (1826), Lê-duy-Lương (1832) Nùng-Văn-Vân (1833) Lê-Văn-Khôi (1833) Cao-Bá-Quát (1854).... đều nổi lên chống triều đình. Nguyên nhân :

- 1 - Chính sách chuyên chế của triều Nguyễn
- 2 - Sự tham nhũng của quan lại
- 3 - Quạt khởi của cự thần nhà Lê.

Việc ngoại giao với các nước Tây-phương và nhất là nước Pháp gặp nhiều nỗi khó khăn nguy hiểm. Các vua nghiêm cấm sự truyền đạo, nghi kỵ bắt giam các giáo sĩ, giết hại giáo dân, tuyệt giao với các nước Tây phương. Năm 1857 tiếng đại bác thứ nhất bắn vào các thuyền của ta ở Đà Nẵng. (Cụ Nguyễn-Công-Trứ nhân dịp này có dâng sớ xin đi dẹp giặc nhưng vua không cho vì thấy cụ đã quá già). Sang năm sau 1858 có 14 chiếc tàu Pháp đánh vào đồn lũy Đà-Nẵng mở đường cho cuộc xâm lăng vào nước ta. (Cụ Nguyễn-Công-Trứ

mất vào năm này).

Hòa ước 1862 chấm dứt thời kỳ tự chủ và dân tộc Việt-Nam bước sang thời kỳ mới về chính trị, văn học cũng như về kinh tế.

GIA ĐÌNH VÀ THÂN THỂ

Thân phụ Nguyễn-công-Trứ là Nguyễn-công-Tân một danh sĩ đương thời văn chương lỗi lạc tính tình trung trực, người làng Uy-Viễn huyện Nghi-xuân tỉnh Hà tĩnh, đậu cử nhân năm 24 tuổi. Ngài bắt đầu được sung chức giáo-thu Anh-sơn (Nghệ-An) sau thăng tri-huyện Quỳnh-côi (Thái-bình) rồi tri phủ Tiên hưng (Thái-bình). Khi Ngài đang tại chức tri-phủ thì Tây sơn đem binh đánh Bắc Hà, chém Nguyễn Hữu-Chỉnh, chiếm Thăng-Long (1787). Vua tôi nhà Lê phải bỏ kinh thành chạy trốn. Ngài phò Lê hoàng xưng nghĩa Cần vương được vua Lê phong làm Đức-ngạn hầu, đã từng cầm quân chống Tây-Sơn ở Sơn-Nam (Hà-Đông). Nhưng lúc bấy giờ quân Tây-Sơn đang có thế mạnh như nước vỡ bờ, binh hùng tướng giỏi, nhất là sau trận Đống-đa (1789) Nguyễn Huệ lại phá được mấy vạn quân Thanh. Tôn-sĩ-Nghị bỏ ấn tín mà chạy, thành thử Nguyễn Huệ lấy được chính nghĩa là bảo vệ nền độc lập của nước nhà. Thất thế vua Lê Chiêu-Thống cùng mấy vị trung thần tìm đường sang Tàu, theo tàn quân của Tôn-sĩ-Nghị. Còn Đức ngạn-hầu thấy vua xuất ngoại rồi, một mình quay về cố hương, dựng túp lều tranh mở trường dạy học, tuy đôi ba phen Bắc-bình-Vương vời triệu Ngài ra làm quan nhưng ngài nhất quyết cự tuyệt, sống nốt những ngày thừa an bần lạc đạo cho đến năm 1800 thì mất.

Đức ngạn hầu sinh hạ được ba trai ba gái. Cụ Nguyễn công-Trứ là con bà trắc thất Nguyễn-thị. Trong ba bà con gái, có một bà rất mực nhan sắc, văn chương xuất chúng và tài hoa lỗi lạc, người đương thời gọi là Năng-văn Nữ-sĩ. Bà góa chồng năm 19 tuổi, nhất định thủ tiết. Hồi ấy có quan Tổng Đốc Trần-Thận cố tìm mối lái để dạm hỏi bà nhưng không thành. Bà lánh thoát và thi phát đi tu lấy hiệu là Diệu-Điền thiền sư. Năm Minh-Mệnh thứ 18 bà được vua ban 4 chữ vàng « Trinh tiết khả phong ».

Giáo sư Lê-Thước có ca tụng như sau :

« Gia thế Cụ Nguyễn-công-Trứ là một nhà thị thư thế phiệt, khoa giáp danh-gia, Đức Ngạn Hầu không chịu khuất tiết với Tây Sơn, đành vui thú lâm tuyền cho trọn đạo thần tử, thật là : « trung thần bất sự nhị quân ». Diệu Điền thiền sư không chịu ô danh với Trần-Thận, tìm lối nương thân cửa phật cho trọn đạo tông phu, thật là : «liệt nữ bất canh nhị phu ». Trong một nhà gồm đủ cả trung thần liệt nữ, biển cương thường đã chói lọi trong cõi Hồng-son, Lam-thủy.

Năm Nguyễn-Nhạc xưng vương ở Quy-Nhơn (1787) cũng là năm Nguyễn-công Trứ cất tiếng chào đời ở xã Địa Linh, huyện Quỳnh Côi tỉnh Thái Bình. Trong buổi thiếu thời cụ Nguyễn-công-Trứ là một thư sinh nhà nghèo nhưng luôn cố gắng dùi mài kinh sử để ra làm

11 | Khảo Luận Về Nguyễn Công Trứ

quan giúp vua giúp nước. Việc thi cử cứ lận đận mãi tới năm 1819 mới đỗ Giải Nguyên lúc ấy đã 42 tuổi.

Kể từ năm cụ Nguyễn-công-Trứ đỗ Giải Nguyên đến năm cụ về hưu, đời Tự Đức nguyên niên (1848) dòng đã 29 năm trường cụ đã bao phen chìm nổi trên hoạn hải ba đào. Bắt đầu là Hành tẩu sứ quán (1820) rồi thực thụ Biên tu (1821), tri huyện Đường-Hào, Hải-Dương(1824), Lang trung ở Thanh lại ti thuộc bộ Lại (1825) Quốc-tử-Giám tư nghiệp, cuối năm ấy, thăng Thiêm sự bộ hình, sang năm 1826 cụ làm Tham hiệp trấn Thanh-hoá. Lúc này có giặc Lê-duy-Lương, cụ dâng sớ xin đi tiêu. Tiêu xong nhân vì thân mẫu mệt cụ xin về chịu tang. Vua thấy nghèo ban cho 100 lạng bạc, cho người đem đến tận nhà để giúp việc tang. Khi trở về kinh để sung chức Tham-hiệp Thanh Hoá, đến Quảng-Trị cụ bị bệnh. Vua được tin bèn xuống chỉ :

« Nay nghe Nguyễn-công-Trứ đi đường chẳng may bị bệnh, chẳng hay đã lành hay chưa, lòng Trẫm luống những bất an.

Đặc phái một tên thị vệ đem theo một viên ngự y, lập tức tới nơi điều trị cho được mau lành. Còn Nguyễn-công-Trứ thì yên tâm mà uống thuốc, bất kỳ một tháng hai tháng khi nào trong mình được thập phần kháng kiện mới được ra đi, chớ nên kíp vội. Giời mùa đông

lạnh lẽo, nếu đau yếu lại ấy là phụ lòng quyến cố của Trầm. »

Khâm-thư

Tình Vua tôi ở với nhau đến thế thực là tương đắc. Đúng với câu :

« *Minh quân lương tế tao-phùng dị* »

Nhân khi đó có giặc ngoài Bắc thành cụ bèn vâng chiếu chỉ sung chức Tham tán quân vụ, rồi lại được thăng Hình bộ thị lang ở dinh Tổng trấn Bắc thành.

Năm Minh-Mệnh VIII (1827), cụ đi tiêu giặc Phan bá Vành ở Nam-Định, dồn giặc về Trà-Lũ, vây bắt được Phan-bá-Vành và đồ đảng hơn 300 tên.

Vua ban khen, thưởng cho Cụ bạch ngọc, mã não và kim khánh với 4 chữ « lao năng khả tướng ».

Năm Minh-Mệnh IX (1828) cụ được triệu về kinh thăng chức Hình bộ hữu tham tri sung chức Doanh điền sứ, ra hạt Nam-Định, Ninh Bình chiêu mộ dân đinh, khai khẩn đất hoang tại các làng duyên hải.

Hơn một năm giờ, cụ lập được hai huyện Kim-Son, Tiền Hải và hai tổng Hoàng Thụ và Ninh Nhất.

13 | Khảo Luận Về Nguyễn Công Trứ

Năm Minh-Mệnh XI (1831) Cụ được triệu về kinh giữ chức Hữu tham tri bộ Hình. Sang năm sau về việc cử Phi quý Trại làm huyện thừa huyện Tiền-hải, vì đồng liêu ghen ghét vu cáo ăn tiền mà cụ bị giáng xuống tri huyện ở kinh. Được một năm, thăng làm Lang Trung nội vụ rồi Bố Chánh Hải dương.

Lúc ra đi vua có dụ :

« Khanh nhà nghèo, Trẫm vẫn biết rõ ràng, cứ giữ lòng thanh-liêm như thế nếu chi dụng không đủ thì mật tâu về. Trẫm sẽ chu cấp cho. »

Đến tỉnh lý được 2 tháng. Cụ túng tiêu, mật tâu về. Vua sai thị vệ đem ban cho 20 bánh thuốc mỗi bánh ở trong có một nén bạc. Với vua Minh-Mệnh, tình vua tôi thân mật và biết nhau đến thế kể cũng lý thú. Và làm quan thời trước thanh liêm đến như Cụ Nguyễn-Công-Trứ mới thực xứng đáng là phụ mẫu dân.

Năm Minh-Mệnh XII (1832) Cụ được thăng Tổng Đốc Hải-An (Hải-dương, Quảng Yên).

Năm sau ở Thượng du có giặc Nùng-văn-Vân dựa vào rừng núi và giáp giới Trung Hoa nổi lên đánh phá rất kịch liệt, Cụ lại phục chỉ làm Tham tán quân vụ đi đánh dẹp. Mãi đến năm 1835, Cụ mới phá được sào huyệt của giặc và được thực thụ Binh bộ thượng-thư

lĩnh Tông Đốc Hải an.

Năm Minh-Mệnh XVII (1837) vì việc tù trốn, cụ bị giáng 4 cấp, sau khai phục được có 3. Đến năm Minh Mệnh XX (1840) cụ lại bị giáng xuống làm Binh-bộ hữu-tri.

Năm Minh-Mệnh XXI cụ được thăng Đô sát viện Tả-đô ngự sử và được cử làm chủ khảo trường thi Hà Nội. Lúc về nhân Trần-tây (Cao-miên) có giặc, Cụ dâng sớ tòng-chinh, Vua chuẩn-y cho làm Tán lý cơ vụ.

Năm Thiệu-Trị nguyên niên (1841) cụ được thăng Tham tán đại thần. Sau khi quân ta phải rút về Nam-bộ (An-giang) cụ bị giáng làm Binh-bộ lang trung. Ít lâu sau vì giết được tướng giặc Phiên tăng, Cụ lại được khai phục Binh-bộ thị lang và vẫn giữ chức tuần phủ An-giang. Năm Thiệu Trị III (1843) cụ được thăng Tham tri. Đến tháng 10 cụ bị vu cáo là có thuyền buôn lậu tê-giác phải cách tước xuống làm lính thú ở Quảng Ngãi.

Cụ Nguyễn-công-Trứ đường đường một bậc danh thần nay mình mặc áo cộc màu chàm, đầu đội nón sớ, rõ ra một tên lính thú. Qua Quảng-Ngãi cụ gặp một quan sở tại vốn là học trò cũ của cụ. Thầy trò nhận được ra nhau mừng mừng tủi tủi, mời cụ cởi bỏ đồ lính. Cụ không chịu, trả lời :

15 | Khảo Luận Về Nguyễn Công Trứ

« Cứ xin để vậy lúc làm đại tướng tôi không lấy làm vinh thì nay làm tên lính tôi cũng không lấy làm nhục. Người ta ở địa nào đối với nghĩa vụ ở địa vị ấy, làm lính mà không mang đồ ấy sao gọi là lính được ». Thực ra mấy lời của nhà nho đại đạt hiểu thấu câu « anh hùng yên sở ngộ », thâm tóm cả một triết lý hành động sâu xa: Hết thấy trong vũ trụ, vật nào phải ở địa vị ấy và đều có giá trị riêng của nó.

Trong năm Thiệu Trị V cụ lại trở về làm Chủ sự Bộ Hình. Năm sau cụ làm Án sát Quảng-Ngãi rồi hai tháng sau đổi về Thừa-Thiên phủ Phủ Thừa. Cho đến tháng hai năm Thiệu-Trị VII cụ được thăng thụ Thừa thiên Phủ doãn đệ tam phẩm.

Thế là hết một giai đoạn rông rãi 30 năm trường tung hoành bốn bể Nam Bắc Đông Tây thực đúng như sở nguyện khi còn bạch diện thư sinh. Từ đó cụ sống đời nhàn hạ ưu du. Cho đến 1857 được tin tàu chiến liên quân Pháp Tây ban-Nha bắn vào Đà Nẵng cụ còn muốn xin đi đánh. Năm sau 1858, Cụ mất tại Uy-viên, thọ 81 tuổi.

TÌM HIỂU NGUYỄN-CÔNG-TRÚ NGUYỄN-CÔNG-TRÚ VÀ CAO-BÁ-QUÁT

Hiểu được Nguyễn-công-Trứ là một điều rất khó khăn. Cao-bá-quát là một thiên tài nên nhiều điểm ta có thể dùng trực giác để soi thấu. Và công nghiệp của họ Cao chưa có gì nên trọng tâm suy cứu chỉ là tâm hồn tiên sinh. Nguyễn-công-Trứ không thể, tướng công là một nhân tài cao tuyệt đã thành công nhờ thực học đầy đủ và vững chãi, lại nhiều sự nghiệp vĩ đại nên hiểu được tướng công là cả một vấn đề phức tạp. Phải suy cứu tới sách vở kinh luân mà tiên sinh đã học mới biết cái tài giỏi áp dụng và trị cơ của tiên sinh. Phải tự đặt mình vào thời đại ấy mới tìm được những khó khăn tiên sinh gặp và những mưu lược tiên sinh thi hành để vượt qua. Phải phác họa được nền giáo dục về đời ấy mới hiểu được trí sáng suốt của tiên sinh đã vượt thời đại đến bậc nào.

Như trên đây chúng ta đã biết tiên sinh sinh năm 1778, năm Thái-Đức lên ngôi ở Qui-Nhơn. Cùng thời ấy, cách mệnh ở Pháp, chiến tranh giải phóng ở Hoa-Kỳ. Ngôi sao của tiên sinh bị lay động bởi những cuộc đảo lộn vĩ đại của thế giới. Nếu ta ghi thêm rằng năm 1778 là năm Nguyễn-Ánh lấy Sài Gòn và được tôn lên làm Đại-Nguyên súy Nhiếp quốc-Chính và năm 1858 là năm Rigault de Genouilly đánh phá Đà Nẵng hạ thành An-

17 | Khảo Luận Về Nguyễn Công Trứ

Hải và Tôn-Hải đ năm sau 1859 lấy đứt ba tỉnh miền Đông Nam Việt thì ta thấy rằng đời Nguyễn-Công Trứ ăn khít vào niên hiệu đầy nghiệp của Nguyễn-Ánh và năm nhà Nguyễn bắt đầu suy vong.

Nguyễn-Công-Trứ đã chịu ảnh hưởng của thời thế. Ta phải kể đến làn sóng đáy mà Pirenne gọi là « les lames de fond » của chí nguyện Việt. Làn sóng đáy ấy (nghĩa là những ước nguyện thâm kín chứa chất trong tiềm thức của một dân tộc, đời này qua đời khác không bao giờ bị hủy diệt cả) đã đột khởi rất mạnh với Quang-Trung trên đủ mọi phương diện văn hoá, chính trị và quân sự còn lại những dư ba là tất cả nhóm sĩ phu đầu triều Nguyễn, nhất là Uy-viễn tướng-công, Cao-bá-Quát, Hồ-xuân Hương, Nguyễn Du v.v.. Những cuộc hành binh thần tốc hết ra lại vào vừa của Quang Trung vừa của Nguyễn-Ánh những bậc thần vũ như Trần-Quang-Diệu, Nguyễn-Hữu-Chỉnh là những gương oai hùng đã ảnh hưởng lớn lao vào trí tưởng tượng của một cậu nhỏ Nguyễn-công-Trứ thông minh và dũng cảm. Lớn lên, Nguyễn công-Trứ gặp được thời đại cực thịnh của lịch sử Việt. Biên cương Việt lần đầu tiên đi từ Nam Quan đến Cà Mau làm cho chàng trai Việt tụng niệm câu :

*Làm trai cho đáng nên trai,
Xuống đông đông tỉnh, lên đoàn đoàn tan*

càng phân khởi mà mơ màng những sự nghiệp hiển hách.

Sang đời Minh Mệnh, nước Việt lại bảo hộ Cao-miên và Lào, nên một người Việt xứng đáng chỉ còn biết phụng sự, dù vua Minh-Mệnh có những tệ xấu. Đó là điểm cắt nghĩa tại sao một người tài ba, chí cả như Nguyễn-công-Trứ lại nặng chữ « quân thân » lại chỉ trông vào một đường xuất thân : đường khoa cử. Vua tượng trưng cho quốc gia. Quốc gia dưới triều đại một ông vua được hưng thịnh và mở mang bờ cõi thì không có lý gì ta chanh chấp hay khởi loạn. Hoàn cảnh Cao-bá-Quát khác. Cao-bá-Quát xuất thân năm 1831, triều Minh-Mệnh bắt đầu suy vong, tiếp tục sang đến triều Thiệu-Trị, Tự-Đức, tình thế nước Việt cũng không sáng sủa gì, nào nội loạn, nào thiên tai nên Cao-bá-Quát « kiến cơ nhi tác » xét ra cũng chính đáng, mà Nguyễn-công-Trứ « hết hai chữ quân thân mà gánh vác » cũng không thể cho là trí tuệ hẹp hòi. Vào thời ấy, thái độ ấy rất thích hợp. « Tùy thời chi nghĩa đại hỹ tai » - đúng như lời đức Không-Tử nói.

QUÊ HƯƠNG VÀ DÒNG DỒI

Sinh ở xã Định-Linh (Quỳnh-Côi Thái-Bình) cậu nhỏ Trứ đã phải sớm trở về Nghệ An vì thời cuộc. Đất Hồng Lam, núi trùng điệp, biển mênh mông, nhưng xơ xác nghèo nàn lại đứng trấn biên giới Chàm là nơi phát xuất những người sức khỏe, trí vững, tâm hùng, hết lớp này đến lớp khác hiên ngang ra Bắc dẹp loạn, vào Nam gây dựng cơ đồ. Quân Nguyễn-Kim là người Nghệ. quân Quang-Trung, Nguyễn-hữu-Chỉnh cũng mộ ở Nghệ. Nguyễn-công-Trứ 80 tuổi còn sáng suốt xin đi đánh giặc, một phần nhờ ở non Hồng, sông Lam. Tả-Ao có Vũ-đức-Huyền, Tiên-Điền có dòng họ Nguyễn-Du, Uy-Viễn có Nguyễn-công-Trứ đã chứng thật một phần nào câu kết luận về địa lý : « Hồng lĩnh sơn cao. Song ngư hải khoáng, ¹ nhược trị minh thời, nhân tài tú phát ». (Non Hồng cao, biển Ngư rộng, gặp thời sáng sửa, nẩy nở nhân tài.) Đất Nghệ lại là đất cố cựu của nòi Việt nên dư ba của làn sóng đày Việt rung động mạnh mẽ những tâm hồn cao đẳng như Nguyễn-Du, Nguyễn-công-Trứ. Nguyễn-Du đã gạn lọc mọi ảnh hưởng Tàu ở văn chương; Nguyễn công Trứ muốn phác họa điển hình kẻ

1 - Đứng ở cửa sông Lam (tức là sông Cả), lấy viễn kính mà nhìn thời thấy ở ngoài biển (thẳng phía lưng nước sông) có hai đảo nhỏ gọi là Song ngư. Gọi vậy vì hai đảo này giống hình hai con cá.

sĩ để thay thế cho điển hình quân tử của nhà Nho. Chí của hai tiên sinh thật xứng với trí Quang-Trung và giải linh địa Nghệ Tĩnh.

Quê hương ấy, dòng họ ấy phải kết tinh một người đặc biệt. Ta thử phân tích con người Uy-Viễn tướng công.

CON NGƯỜI NGUYỄN-CÔNG-TRỨ

Đây không phải là một thiên tài. Đất Hồng Lam xơ xác đã sản xuất ra những người bèn gan vững chí. Nguyễn-công-Trứ đã thành công chính nhờ bèn gan vững chí vậy. Đứng ở con đường Nam tiến con người không thể trầm lặng, trái lại phải tích cực hoạt động. Bẩm tính của Uy-Viên tướng công là tính ưa hoạt động. Đó là một người thích hành động cực đoan. Tiên-sinh hưởng lạc ngay từ thuở trẻ :

*Mặt tài tình đang độ thiếu niên,
Cuộc hành lạc vầy vùng cho phỉ chí.*

Tiên sinh thích hơn người ngay cả trong việc chơi bời:

*Chơi cho lịch mới là chơi.
Chơi cho đài các cho người biết tay,
Tài tình dễ mấy xưa nay.*

Tiên sinh tự tin và thích làm những việc khác thường « làm cho rõ tu mi nam tử ».

*Thông minh nhất nam tử
Yếu vì thiên hạ kỳ*

Vì thế mà tiên sinh muốn làm những việc không ai làm nổi : lúc ở Thanh-Hóa, tiên sinh xin đi đánh giặc

Phan-bá-Vành. Đương làm tướng, tiên sinh xin đi khai khẩn đất hoang. Tiên sinh tự tin tự hào ngay từ thuở hàn vi :

*Mang danh tài sắc cho nên nợ,
Quen thói phong lưu há phải vay.*

Cương quyết thực hiện chí khí của mình, tiên sinh không sợ sóng gió trở ngại, mà trái lại còn đi tìm sóng gió trở ngại để đương đầu :

Đố kỵ xá chi con tạo.

...

*Cũng có lúc mưa dồn sóng vỗ,
Quyết ra tay buồm lái với cuồng phong.*

Học tất cả, làm tất cả :

Kinh Luân khởi tâm thương, binh giáp tàng hung trung.

Tiên sinh lại còn là người hưởng mọi thích thú ở đời :

*Cầm tứ tiêu nhiên, kỳ tứ sảng,
Thi hoài lạc kỷ, tửu hoài nồng.*

kể cả thái độ hiếu sắc :

23 | Khảo Luận Về Nguyễn Công Trứ

*Khi đắc ý mắt đi mày lại,
Đủ thiên thiên thập thập thêm nông²*

Học đủ, làm đủ, nên tiên sinh tự hào lắm, tự hào đến mang đời mình ra làm điển hình cho hậu thế, đến đùa cả với Phật :

*Kìa núi nọ phau phau mây trắng,
Tay kiếm cung mà nên dạng từ bi.
Gót tiên theo đủng đỉnh một đôi dì,
Bụt cũng nực cười ông ngất ngưởng.*

2 - Về tính hiếu sắc, ta cũng nên kể chuyện cô đào Thu. Khi Nguyễn-công-Trứ còn là học trò mê cô đào Thu nhan sắc hát hay, nhưng không có dịp nào gần gũi vì nghèo. Ông bèn xin vào làm kép cho cô đào. Một hôm đi qua cánh đồng, ông lập mưu kêu lên là quên mất dây đàn. Cô ả sai thằng nhỏ về lấy. Chỉ còn hai người Nguyễn-công-Trứ đã tự do hành lạc với cô đào cho thỏa tình mong ước. Khi làm Tổng đốc Hải Dương, một hôm ông cho gọi đào nương về ca hát để mừng thắng trận. Trong số ấy có cô đào Thu, cô này hát :

*Giang sơn một gánh giữa đồng,
Thuyền duyên ứ hự anh hùng nhớ chẳng*

Cụ cười, nhận ra và lấy làm nàng hầu.

Vì Đức Ngạn Hầu bỏ quan về ở ẩn, Nguyễn-công-Trứ chịu hàn vi đến năm 42 tuổi, nhưng tiên sinh ương ngạnh nhất định chịu nghèo để theo đuổi chí hướng : ³

3 - Có một giai thoại nói rằng khi Tả Quân Lê-văn-Duyệt ra Bắc, ai nghe tiếng cũng sợ hãi. Riêng ông Trứ muốn tự mắt được thấy Lê-văn-Duyệt bèn lấy rơm và chiếu nằm khênh giữa đường. Lê-văn-Duyệt tức lắm, cho bắt và hỏi tại sao vô lễ. Nguyễn-công-Trứ trả lời : « Tôi là học trò nghèo, nhà cửa chật chội nên ra đây nằm hóng mát không biết có quan quân đi qua ». Lê-văn-Duyệt bắt cậu học trò hỗn sược đó làm câu đối về nằm rơm đắp chiếu, nếu nghe được thì tha tội. Nguyễn công Trứ bèn ứng khẩu đọc :

*Ba vạn anh hùng đè xuống dưới
Chín lần Thiên tử đội lên trên.*

Giọng điệu tuy ngông ngênh, ngạo mạn nhưng không có ngoài nghĩa vua tôi nên Lê văn Duyệt tha và thưởng tiền.

Nếu quả chuyện này có thật càng chứng tỏ thêm bản tính ngang ngạnh của Nguyễn công Trứ luôn luôn muốn làm những việc mà thiên hạ không dám làm. Mà dù là chuyện bịa đi nữa thì cũng gián tiếp chứng tỏ rằng thiên hạ đã công nhận bản tính ngang ngạnh của cụ.

25 | Khảo Luận Về Nguyễn Công Trứ

Tất do thiên, âu phận ấy là thường; hữu kỳ đức ắt trời kia chẳng phụ.

Tiểu tài cả phải phận ngu ru bản trúc, dẫu xưa ông Phó, ông Hề; cần nghiệp nho khi tạc bích tự huỳnh, thưở trước chàng Khuông, chàng Vũ.

Có lúc nghèo quá « đến bữa chưa sẵn bữa, con trẻ khóc nhường ong », tiên sinh cũng nghĩ đến « sên sang hội gió mây » đến :

*Nợ trần hoàn quyết trả lúc này xong.
Dồi dào thiên-tứ vạn chung,
Khanh hầu xa mã tướng công lâu đài.
Trần ai ai dễ biết ai.*

Và tiên sinh vẫn giữ được ngay thẳng vì hiểu rõ giá trị đồng tiền :

Hôi tanh chẳng thú vị gì.

Suốt trong thời hàn vi, ngoài sự luyện chí, học hỏi, ăn chơi tiên sinh chỉ có một hành động : dâng Thái-Bình thập sách cho vua Gia-Long. Cử chỉ ấy bộc lộ chí khí chứ không có gì là hèn kém. Ta có thể nói Nguyễn-công-Trứ lập chí, nuôi một ý lực mạnh (tựa như idée-

Riêng ý chúng tôi cho là chuyện bịa vì Lê Văn Duyệt là võ quan ít văn học không bắt người làm câu đối mà mình không thưởng thức.

force của Foulon). Đã là người cũng có những lúc tiên sinh mơ ước danh lợi, nhưng tiên sinh đã chế ngự được những tính đốn hèn đó, giá trị của tiên sinh vì thế càng tăng. Cả đến ương ngạnh cố thực hiện nam nhi cũng bộc lộ sự tu-dưỡng đạt đến mực tâm thành. Và cũng nhờ có thời gian hàn vi lâu dài ấy mà họ Nguyễn đủ thì giờ học tất, thấu đạt tất, để đến khi ra hành đạo thì gánh vác mọi việc phức tạp mà việc nào cũng đến nơi đến chốn. Nguyễn-công-Trứ thành công nhờ thời gian và cố công tức là thực học vậy. Cho hay « sinh nhi tri, học nhi tri, khôn nhi tri, tri giả nhất dã ».

Từ năm 1819, Nguyễn-công-Trứ bước chân vào hoạn lộ đầu óc cứng cáp và đầy đủ. Tiên sinh đã bị ba lần giáng chức : Từ Hữu-tham-tri giáng xuống tri huyện ở kinh về việc Phi-quý-Trại; từ Binh-bộ thượng thư xuống Hữu tham tri vì đề tù trốn; và từ Tham tri xuống làm lính về việc bị ngờ buôn lậu ở An Giang. Giáo sư Lê-Thước đã biện bạch rõ rệt trường hợp oan khốc của cụ và thủ tục điên đảo thời chuyên chế. Lý luận của giáo sư dựa vào sự thật rất xác đáng nên ta cũng nhận rằng đưa một thổ hào ra cai trị đất mới là hợp lý và lời tấu của Hoàng-Quýnh dựa vào lễ thể diện của khoa mục chỉ có giá trị một lời ghen ghét. Đến việc buôn lậu khẩu ở An-Giang, Trần-ngọc-Giai và Đặng-Kham nhận rằng Nguyễn-công-Trứ bị vu cáo. Hơn nữa lại đã có tiền án ở làng Tân Hữu để làm bằng chứng mà còn kết

27 | Khảo Luận Về Nguyễn Công Trứ

tội Nguyễn-công-Trứ thì công lý đã điên đảo mà triều đình nhà Nguyễn cũng tối tăm nên đi dần đến suy vong vậy. ⁴

Có tên dân ở thôn Tân Hữu là Đào văn Quận về kinh tâu rằng : « Làng này đất rộng người đông, trước đã có đơn xin chia thôn bộ cho tiện việc quan nhưng vì viên Bô chính là Lê quốc Trinh cùng với Phùng-hữu-Nghĩa, Nguyễn-công-Trứ, Nguyễn công Nhân sách nhiễu tiền bạc, kẻ thì đòi 50 lượng, kẻ thì đòi 70 lượng hay 100 lượng. Dân tôi hiện đã giao bạc cho các người tỉnh lại là Nguyễn xuân Uy, Nguyễn văn Giao và đội trưởng là Nguyễn văn Pháp dẫn nạp rõ ràng, thế mà đến nay không xử đoán cho chúng tôi ». Đơn ấy dâng lên, vua Thiệu Trị dụ rằng : « Cái việc phân lập thôn bộ cũng không cần cấp cho lắm, cứ sao đem của mà lo, thật là vô lý; nhưng nó đã chỉ rõ người rõ việc thì cũng chưa hẳn là nói không. Vậy chuẩn cho các viên bị không đều phải minh bạch tâu lên, không được tìm phương chữa lỗi ». Mọi người đều biện bạch chỉ đó Nguyễn văn Pháp thú rằng : « Có nhận 70 lượng bạc nhưng đó là bạc của Nguyễn công Nhân giao cho và dận như vậy ». Vua giảng Công Nhân 4 cấp và phạt bổng một năm.

Nguyên Nguyễn công Nhân thưở còn làm lãnh binh thì Nguyễn công Trứ làm Tham tán đại thần nhưng sau

4 - Tiền án ở làng Tân Hữu như sau : (Theo Lê-Thước)

Nguyễn công Trứ làm Tuần phủ An Giang thì Nguyễn công Nhân làm Tổng đốc An Hà (An Giang Hà Tiên) Nguyễn công Trứ tỏ vẻ bất bình nên Nguyễn công Nhân tìm cách ám hại. Việc ở Tân Hựu không xong, Công Nhân lại mang tội lỗi nên càng căm tức. Nhân khi Nguyễn công Trứ đi coi việc đào sông, có viên đề đốc là Đàm quang Mật bắt được tên đội trưởng coi bến Châu Giang là Mai văn Thạch tự tiện cho bốn chiếc thuyền buôn đồ gian chèo đi. Nguyễn công Nhân và Phùng nghĩa Phương hội lại tra xét việc này, có ý vu rằng thuyền ấy là của Nguyễn công Trứ phái sang Trấn Tây do thám, nhân mua riêng sừng tê và đậu khấu, rồi đem chuyện tâu lên vua. Vua sai Lỗ bộ Tham tri là Trần ngọc Giai làm chức Khâm sai đại thần cùng với Lại khoa chương án là Đặng Kham tới nơi tra xét. Ngọc Giai xét xong biết rõ sự ấy là Nguyễn công Nhân bịa đặt ra để ám hại Nguyễn công Trứ bèn kết án, tâu lên vua.

Chính ở những thử thách này ta hiểu được Uy-Viên tướng công một cách sâu sắc hơn. Ta chớ nên làm tiên sinh nhục nhục theo đuổi công danh. Nếu Nguyễn-công-Trứ bị giáng chức uất ức về hưu thì tỏ ra yếm thế không hợp với bản tính lạc quan ưa hoạt động của tiên sinh. Nếu từ quan phản động lại thì tiên sinh sẽ là người tầm thường nhục nhĩ theo đuổi công danh. Tiên sinh có đeo đẳng làm quan mặc cho thăng giáng mới thật thái

29 | Khảo Luận Về Nguyễn Công Trứ

độ quân tử : chỉ nghĩ thực hiện lý tưởng, lưu thủ đan tâm, bình thản trước công danh chức tước. Không oán người vu cáo, không hậm hực với người giáng chức mình, không phân biệt chức trọng quyền nhỏ chỉ biết thực hiện sự nghiệp : Nguyễn-công-Trứ đã tỏ ra thoát vòng danh lợi, cảm niệm được lẽ huyền vi của tạo vật cùng với tạo vật vô vi hóa sinh vậy. Có như thế tiên sinh mới dám :

Sánh Hoàng Thạch, Xích Tùng ở cũng đáng.

có như thế tiên sinh mới có thể ước :

*Kiếp sau xin chớ làm người,
Làm cây thông đứng giữa trời mà reo.
Giữa trời vách đá cheo leo,
Ai mà chịu rét thì trèo với thông.*

Cái thái độ bình thản trước danh lợi, trong danh lợi thật là khó khăn. Chỉ một họ Nguyễn đạt được !

Đừng ví với Cao-bá-Quát, vì họ Cao gặp thời loạn nên muốn « xoay bạch ốc lại lâu đài », còn họ Nguyễn gặp thời thịnh phải :

*Nghiêng mình những vì dân vì nước,
Túi kinh luân từ trước để về sau.
Nghìn thu một tiếng công hầu.*

Đến khi về già tấm lòng trung trinh vì dân vì nước càng rõ rệt. Bị triệu về kinh vì viên thi vệ tổ cáo, tiên sinh gửi cho sử quan bức thủ thư đại ý nói :

Đã bệnh ly lại sốt rét, chứng chết đã hiện ra thì chết cũng có tiếc gì. Nhưng chết mà không được phân-minh thì còn phải khua trống kiện cho ra chết mới nhắm mắt. Còn lúc đã chết thì việc mình thế nào đã có sử-quan ghi chép. ⁵

Đây là lòng trung và đây là chí phục vụ : năm 1858 nghe tiếng súng của Pháp, tiên sinh cùng các quan ở Nghệ An là Vũ-trọng-Bình, Lê-bá-Thân xem xét đề thiết lập đồn ải ở Vinh. Khi vua Tự Đức có chiếu triệu, tiên sinh tâu : « Thân già này còn thở ngày nào, thì xin hiến cho nước ngày ấy ». Tiên sinh không vào kinh vì quan tỉnh Vinh giữ lại.

Công đức của tướng công vẹn toàn, một dạ sắt son nêu gương vàng vạc vì dân vì nước. Chúng ta mà hiểu nhầm tướng công há chẳng sa vào câu : « Quân tử chi sở vi chúng nhân cố bất thức dã » của cổ nhân hay sao ?

5 - Xem chương « Một vài giai thoại về Nguyễn-công-Trứ ».

SỰ NGHIỆP QUÂN SỰ KINH TẾ VÀ CHÍNH TRỊ

Sự nghiệp của Nguyễn-công-Trứ không được cao thâm như sự nghiệp của Quang-Trung, Lê Lợi, nhưng nói rằng sự nghiệp ấy dồi dào phức tạp, ích quốc và lợi dân thì quả có dồi dào, phức tạp, ích-quốc lợi dân. Ta có thể tạm chia sự nghiệp ấy làm bốn : sự nghiệp quân sự, sự nghiệp kinh tế, sự nghiệp chính trị và sự nghiệp văn chương. Trong chương này chúng ta riêng xét về ba sự nghiệp đầu.

SỰ NGHIỆP QUÂN SỰ

Thi cử ở cự triều không đề cập tới vấn đề quân sự. Ngày nay quân sự là môn khoa học riêng đòi hỏi người theo đuổi phải có sức học chuyên môn vững chắc. Đời xưa cũng có thi võ, nhưng những ông cử võ chỉ biết có võ bị, không cần phải biết sách vở về chính trị, cho nên những ông thuần võ phải phụ thuộc vào những ông văn quan thông suốt binh thư. Binh thư không bó buộc ở kỳ thi nhưng bất cứ một ông quan nào tự hào đại khoa cũng phải đọc đủ bách gia chư tử, binh pháp và các môn độn toán. Nguyễn-công-Trứ nhờ thời hàn vi lâu dài nên đã học rất nhiều. Trong Hàn nho phong vị phú tiên-sinh kẻ đã học qua địa lý, phù thủy, bói Đa hạc v.v.. chỉ cần xét nghệ thuật phủ dụ nhân dân - thời nay gọi là nghệ

thuật tuyên truyền, chiến tranh tâm lý chúng ta cũng nhận thấy họ Nguyễn quả có tài đặc biệt. Bài « Gánh gạo đưa chồng » có tác dụng như tiếng sáo, bài ca của Trương-Lương. Tuy mục tiêu trái ngược, nhưng cả hai đều đạt được kết quả mong muốn, một đảng thì khích lệ quân sĩ phải xông pha nơi núi rừng hiểm trở, một đảng thì gieo hoang mang ngờ vực chán nản vào lòng tám nghìn tử đệ Giang Nam để họ bỏ Hạng võ. Ta thử phân tích để hiểu nghệ thuật khích động lòng người của Uy-viến tướng công :

Gánh gạo đưa chồng

Murou

*Con cò lặn lội bờ sông,
Gánh gạo đưa chồng tiếng hát nỉ non.*

*Lộ diệc vũ trùng trung chi nhất,
Thương cái cò lặn lội bờ sông.
Tiếng nỉ non gánh gạo đưa chồng,
Ngoài nhìn dặm một trời một nước.*

*Trông bóng nhạn băng khuâng từng bước,
Nghe tiếng quyên khắc khoải năm canh,
Nghĩa tép tôm ai nỡ dứt tình,
Ơn thủy thổ phải đền cho vẹn sông.*

33 | Khảo Luận Về Nguyễn Công Trứ

*Đường tên đạn xin chàng bảo trọng,
Thiếp lui về nuôi cái cùng con.
Cao Bằng cách trở nước non,
Mình trong trắng có quý thân a hộ.*

*Sức bay nhảy một phen nắng nỏ
Đá Yên-Nhiên còn đó chẳng mòn.
Đồng hưu rạng chép thẻ son,
Chàng nên danh giá thiếp còn trẻ trung,
Yêu nhau khăng khít giải đồng.*

Dùng một điệu hát thuần túy Việt-Nam làm bài văn tuyên truyền để quần chúng ngâm nga thấm nhập vào tâm khảm là ưu điểm thứ nhất. Lấy ngay ca dao và ý nghĩa ở ca dao để khuyến khích tỏ rằng Nguyễn-công-Trứ đã hiểu đến vô thức, tiềm thức của người dân. Hình ảnh con cò bé nhỏ yếu hèn làm tròn bổn phận cũng là một sức mạnh lay động chí khí của thanh niên muốn ra tay hiệp sĩ, cứu vợ con, và làm tròn nhiệm vụ. Tóm lại tác giả đã khéo nêu toàn thể nếp sống tinh thần dân tộc về cả tình cảm lẫn lý trí để khích lệ tướng sĩ. Tình cảm tha thiết, hy sinh băng khuâng khắc khoải, ao ước thái bình sẽ được xum họp, lý trí thì đầy đủ, vừa nhận nhiệm vụ « về nuôi cái cùng con » vừa biết phận sự của chồng ra đi để « on thủy thổ phải đền cho vẹn sóng », vừa biết giữ lòng trong trắng để yên tâm chồng. Phác họa ngay nếp sống của dân để rung động lòng dân, Nguyễn-

công-Trứ là bậc thầy về tâm lý quần chúng vậy. Chữ dùng nôm na rất khéo, lấy ngay chữ trong ca dao, nhạc điệu lại êm ái nên sức truyền cảm dẫn dụ thật sâu rộng.

Tài tiên liệu và kích thích dân quân đã mầu nhiệm, đến như tài bày binh bố trận của tướng công còn vượt bậc. Tài liệu không còn đầy đủ để ta phân xét nhưng chỉ đọc qua các trận giặc ta cũng thấy Nguyễn-công-Trứ đã bày và thắng đủ mọi thứ trận đồ.

Giặc Lê-duy-Lương năm 1826 là giặc ở Thanh hóa có cả núi rừng hiểm trở, đồng ruộng mênh mông. Ở đây giặc có thể vừa dùng du kích chiến, vừa dùng dã chiến vừa núp ở rừng núi, vừa nương náu ở nhà dân. Muốn tiêu diệt giặc phải dũng cảm xung phong, lại phải dùng mưu dụ giặc, lấy lòng dân để tiêu diệt du kích và chặn đường lương thực. Muốn hiểu được cái khó khăn của Uy-Viễn tướng công, ta nhớ lại rằng quân Minh mạnh gấp bội mà không đánh nổi dùm quân của Lê Lợi. Xuất quân kỳ thứ nhất, Uy-Viễn tướng quân đã thắng trận vẻ vang, con người ấy quả xứng đáng để vỗ ngực tự hào rằng :

*Kinh Luân khởi tâm thượng
Binh giáp tàng hung trung,*

35 | Khảo Luận Về Nguyễn Công Trứ

Giặc Phan-bá-Vành ⁶ cùng bọn giặc Khách ở Quảng-Yên đều là giặc ở biển ngòi, tụ tập tại những bãi hoang có lau sậy, đi thuyền rất giỏi, ngón võ là lao tre cật, móng dây không định cứ, khi ẩn khi hiện, phá làng cướp chợ. Đánh giặc ấy phải giỏi tiên đoán - nay thì là giỏi trinh sát - phải biết thủy chiến; phải thạo du kích và ngụy binh. Muốn ý thức được khó khăn ta nhớ lại thổ ngòi Dạ-Trạch đã giúp Triệu-quang-Phục đánh nhà Lương và Nguyễn-thiện-Thuật chống Pháp có hiệu quả ở Bãi sậy, Uy-Viên tướng quân đã thắng.

Phần thưởng long nãi, bạch ngọc và kim khánh với bốn chữ « Lao năng khả tướng » của Minh-Mệnh tỏ rõ công lao cao cả đó.

Giặc Nùng-văn-Vân là điển hình sơn lâm chiến trận, có thể nhất binh cự vạn binh. Ở vào một thời đại thiếu dụng cụ khoa học việc trắc định vị trí, tiến thoái đúng đường tiên liệu hồ bầy, tiếp tế lương thực, khám phá mạch nước, cầm nắm đường mòn, triệt đường vận lương, suy trắc thời tiết, tùy địa thế mà biến đổi thế

6 - Có câu thơ truyền khẩu sau này chứng tỏ tham vọng của Phan-bá-Vành thời đó :

*Trên trời có sao tua dua,
Ở dưới hạ giới có vua Bá Vành.*

trận, lâm cơ ứng biến, lúc bao vây lúc tiêu diệt, lúc mở vòng... Một chủ tướng phải đủ mọi tài ba, thông thiên đạt địa, thấu nhân sự. Uy Viễn cũng đã thắng giặc này với tài quân sự thần xuất quỷ nhập của cụ.

Có lẽ cũng vì tài ấy mà cả triều đình nhà Nguyễn run sợ lo sợ phản nghịch phải luôn luôn ra uy giáng chức.

Tài quân sự ấy lại được thử thách bằng một thế trận mới : Lục quân đã chiến đại quy mô ở Trấn tây. Ở đây chiến lược phải là đại bao vây, tiểu bao vây, công phá thành trì. Lúc này cụ đã bị giáng chức hai lần, sự ghen ghét ở triều đình đã rõ rệt, nên quân cụ tướng lĩnh không được như ý nguyện. Thế mà cụ còn chém được tướng giặc Phiên Tăng. Nhận được như thế ta mới thấy Nguyễn-công-Trứ quả là một đại tướng đánh dư trăm trận. Chỉ một tài quân sự đã đủ cho ta kính phục, chỉ một sự nghiệp võ bị đã đủ ta phải đưa vào Lân-các Yên-đài. Phải đã làm được như thế mới dám vỗ ngực :

Đố kỵ xá chi con tạo

Nợ tang bồng quyết trả cho xong.

SỰ NGHIỆP KINH TẾ

Cái con người « thông minh nhất nam tử » sau khi dẹp giặc an dân lại còn dưỡng dân. Nước Việt là một nước nông nghiệp nên việc dẫn thủy nhập điền là tối yếu. Đi đến đâu Uy-Viễn tướng công cũng đào sông đắp đê : An Giang, Quảng-Yên, Ninh-Bình, Thái-Bình, Nam-Định. Sông và đê giúp cho dân cấy cấy lại còn là đường giao thông thuận tiện vì ta không nên quên đời ấy dụng cụ khoa học ta chưa biết đến. Doanh điền là cái lo lắng nhất và cái thành công lớn lao bền bỉ nhất của tướng công.

Ở miền Quảng-Yên, Hải-Dương giặc ra vào cướp phá dân trong vùng. Nguyễn-công-Trứ đã phải tiêu trừ nhiều lần. Năm 1833 cụ giết thống lĩnh là Trương-Nghiêm và ngụy tiền quân là Trịnh-bá-Dao ở Tứ-Kỳ Hải-Dương; năm 1838 đánh giặc khách tụ tập ở đảo Chàng sơn rồi lại lập đồn để canh phòng. Cụ phủ dụ ban cấp cho hai bang ngư hộ (kẻ chài) người Tàu Khai-Vĩ Hà-Cổ vì có công đánh giặc và nộp tướng giặc. Giệp yên giặc rồi, cụ chi đất cho người ở Bang Khai-Vĩ an cư ở chân núi Đông Sơn. Chính sách của cụ vẫn là tiêu diệt những thủ lãnh rồi an cư đồ đảng. Năm Minh-Mệnh thứ XX (1939) cụ giúp giặc giết bốn tên thủ phạm còn dư đảng 180 người lập lại một làng Hướng Hóa chia làm bốn giáp, đặt lý trưởng. Công việc của cụ đã tóm tắt ở

bài sớ tâu lên vua Minh-Mệnh. Đại ý lời sớ tâu rằng : «
 Đời xưa các đấng vua chúa chia ruộng nương cho dân
 để dân có nghề làm ăn, ở yên chốn thôn cây bừa không
 dám sinh làm bậy. Nay ở huyện An-Định và huyện
 Giao-Thủy thuộc tỉnh Nam-Định đất hoang còn nhiều
 đến hàng ngàn mẫu, nếu nhà nước lấy tiền công cấp cho
 dân khẩn thời tốn chẳng bao nhiêu mà hoa lợi thu được
 mãi mãi. Vả lại bãi Tiền châu thuộc phủ Kiến-Xương
 đất rộng mênh mông cây cối sâm uất giặc thường nhóm
 họp ở đấy. Nay khai phá đi thì chẳng những mở đường
 sinh nghiệp cho bần dân mà lại tuyệt cả chỗ làm sào
 huyệt cho thổ phỉ, xin xuống chỉ cho các quan lại trấn
 chiêu mộ dân phu khai khẩn cứ 50 người lập thành một
 làng, 30 người lập thành một ấp, tính đất cho ở lại cấp
 cho trâu bò và đồ làm ruộng, ba năm thành điền, chiếu
 lệ trước bộ thu thuế, làm như vậy đất không sót lợi mà
 dân cũng chăm việc cấy bừa tự nhiên dân phong có xấu
 cũng ra tốt. (Lê-Thước lược dịch)

Được nhà vua bổ làm Doanh điền sứ cho tùy tiện
 hưng lợi trừ hại cho dân, cụ bắt tay làm việc. Sự tổ chức
 thật chu đáo căn kẽ. Cụ bắt đầu bằng cuộc kính lý với
 một người thổ dân, (ở Kim-Son là ông Nhương quê
 làng Thủ-Mật). Khi đã đi hết hạt cụ phác họa một lược
 đồ, gần giống như phép hoạch đồ đô thị nhưng còn khó
 khăn hơn vì phải chú trọng đến vấn đề dẫn thủy nhập
 điền và thủy triều. Tướng công đã giải quyết thỏa đáng

39 | Khảo Luận Về Nguyễn Công Trứ

cả hai vấn đề bằng những làng nằm song song hình chữ nhật, đi từ cự thổ ra đến tận biển. Suốt dọc mỗi làng có một con sông đi sát một cái đường. Cách vài cây số lại có đường ngang và sông lớn. Đường ngang này tiếp tục làm thêm mỗi khi đất lấn ra biển. Nhờ nhiều sông nên tránh được lụt và đủ nước cho dân cấy cày. Nhờ những đường ngang nên giữ được nước thủy triều, mà các đất làng ngang bằng sỏ thẳng coi như các phố trong một thành thị. Làng chạy dài làm cho sự đi lại khó khăn nhưng nhờ có cả đường thủy bộ nên giao thông rất thuận tiện và tránh được mọi sự tranh chấp mỗi khi phải phân chia những đất bồi thêm. Thời này mới, đủ phương tiện máy móc, không nói làm gì, thời ấy Nguyễn-công-Trứ chỉ có ý-chí và một bộ óc biết đủ thiên văn, địa lý, thủy lợi học và hải dương học.

Vấn đề thứ hai là vấn đề người. Làm thế nào có người đi sinh-cơ lập nghiệp ở những chốn đèo heo hút gió sơn cùng bao thủy tận này ? Người Việt là dân định cư nông nghiệp lại giàu tình quê hương, dù nơi chôn rau cắt rốn nghèo đến đâu cũng không muốn rời phần mộ tổ tiên. Cho nên phủ dụ được dân khai khẩn hoang địa tại một nơi bấp bênh với nguy hiểm là cả một vấn đề, cả một chính sách. Để treo gương cụ phải dẫn một số người nhà từ Nghệ ra. Những đầu trộm đuôi cướp du thủ du thực được chiêu mộ lại. Hễ ai mộ được 10 người thì lập thành một giác nhận ruộng hơn 100 mẫu, mộ được 15

người lập thành một trại, 30 người lập thành một ấp, 50 người lập thành một lý. Cho phong trào được lan rộng cụ cố tìm các con nhà danh-gia thế phiệt để dễ lôi cuốn dân chúng. Những gia đình khoa-bảng ở Quỳnh-Lôi, Hoàng-Mai, Bạch-Mai ứng mộ cũng nhiều, dân đổ xô đến nên công cuộc của cụ thành công rất chóng.

Cụ tâu xin lấy tiền công làm nhà cho ở, cấp cho trâu cày, một cái thuồng, một cái xuống, một cái cuốc, một cái liềm, sức các ông chiêu mộ lính về cấp phát. Nếu ai để bán phần hoang phế hoặc trốn tránh thời phải mộ người khác và phải đền tiền công. Ba năm thành điền mới chiếu lệ trước bộ thu thuế. Nhờ tài ba và chính sách khôn khéo thích hợp chẳng bao lâu một giải Tiên-Châu, ruộng khẩn được hơn 18.970 mẫu, đinh mộ được hơn 2.350 chia ra làm 14 lý, 72 ấp, 20 trại, 10 giáp lấy tên là huyện Tiên-Hải. Lại ở địa phận xã Ninh-Cường, xã Cát-Hải cụ có khẩn được 4 lý, 7 trại lập thành một tổng thuộc huyện Nam-Trực. Tổng Hoàn-Nha cũng khẩn được 5 ấp, 2 trại, 24 giáp thuộc huyện Giao Thủy, Nam Định; ở Ninh-Bình đặt ra huyện Kim Sơn cả thấy được 3 lý, 2 ấp 12 trại, 24 giáp, ruộng chia được hơn 14.600 mẫu, đinh được hơn 1.260 người.

SỰ NGHIỆP VỀ CHÍNH TRỊ

An dân và dưỡng dân Nguyễn-công-Trứ đã thực hiện quan niệm chính trị cấp tiến nhất của thế kỷ XX « chính trị thiết kế và chấp hành dân sinh ». Ở Hải An, tướng công đã tiêu trừ thổ phỉ cho an dân, phủ dụ những đồ đảng và chia đất cho họ an cư lạc nghiệp. Tướng công đã áp dụng chính sách triều đình với cách khôn khéo riêng. Ba điều an dân sau này tỏ ra tướng công thấu đạt về chính trị :

- 1) Nghiêm pháp để cấm tuyệt phi đảng.
- 2) Minh thưởng phạt để khuyến khích quan lại.
- 3) Khai khẩn hoang điền để dân nghèo có thể làm ăn.

Cụ đã dùng cả uy (điều 1) và ân (điều 2 và 3) để đạt đến mục đích an cư lạc nghiệp cho dân. Nếu nhận định cả việc đào sông ở An Giang người ta thấy tướng công chú trọng đến ân (dưỡng dân) nhiều hơn là uy, tức là luôn luôn dùng vương đạo. Khai khẩn ruộng hoang mà không hề để một tấc đất cho mình : cụ là người chí minh chí công không bao giờ « dĩ công vi tư ». Nhờ có đạo đức ấy tướng công mới thu phục được lòng dân và cai trị được những huyện mới thiết lập.

Cai quản những đất đai ấy là cả một vấn đề. Đất đã hoang phế, giao thông khó khăn lại còn nhiều những bãi rộng gò rậm, là những sào huyệt tự nhiên của cướp

trộm. Những người dân mới, một số đông hoặc là du thủ du thực hoặc là dư đảng của giặc cướp coi mạng người không bằng sợi tóc. Cả những con nhà dòng dõi theo tướng công cũng phần đông là con cái bất trị. Việc cai trị lại chưa điều hòa nên có nhiều chuyện lạ đời xảy ra : Huyện Kim-Son không có tri huyện, một thổ dân mạo xưng và tại chức đến hơn một tháng tác oai tác họa rồi triều đình mới biết. Có những ông chiêu mộ như ông chiêu mộ làng Như Độ, Kim Sơn « tát người chết tươi, đánh trâu chết đứng ». (Bản tính dưng cảm và hung tợn của người dân vùng này còn được chứng thực ngay trong thời Pháp thuộc. Năm 1930 dân Đồng Cao, Tiền-Hải nổi dậy dưng mạnh không kém Nghệ An. Năm 1946 dân chúng Phát Diệm nổi dậy trong một buổi quét sạch tất cả Việt-Minh ở trong vùng).

Vì thế mà chính trị của tướng công đã nhằm cả an, giáo, dưỡng. Bản sớ của tướng công về triều đã tỏ rõ chính sách vương trị đó. Đại ý bài sớ đó như sau :

Dân hai huyện ấy đều là dân phiêu lưu tự các hạt khác đến, chưa có gì làm cho chúng nó liên lạc đoàn tụ với nhau. Nay xin định ra 5 điều quy ước :

1) Đặt nhà học. - Trẻ con sinh ra 8 tuổi là phải vào nhà học, thoát dạy trẻ những điều ứng đối, tiến thoái, hiếu hữu, trung tín, kính nhường, sau mới cho học chữ. Đứa nào học không tấn tới cho về tìm nghề khác.

43 | Khảo Luận Về Nguyễn Công Trứ

2) Đặt xã thương. - Thu thuế những ruộng đã khai khẩn sau 3 năm mỗi mẫu lấy 20 bát thóc đổ vào kho. Gặp thời giá thóc cao thì bán, thóc rẻ thời mua, phòng gặp có thủy nạn bất thường thời đem thóc chiếu cấp, năm nào được mùa sẽ theo số đã cấp trước thu lại để chứa trữ.

3) Chăm việc dạy bảo. - Hễ tên nào bất hiếu bất đễ, bất kính, giao du với côn đồ thì cả cha anh cũng liên đới bị tội.

4) Cần việc phòng thủ. - Khi xảy giặc cướp phải hoặc tích cực chống cự hoặc lén theo dõi để quan quân tận diệt chúng tận sào huyệt.

5) Nghiêm việc khuyến trừng. - Dân nào phong tục thuần hậu, ruộng đất mở mang thì được tinh thưởng. Dân nào nhác nhớn, ruộng đất bỏ hoang, tập lực gian dân đua nhau kiện cáo thời lý trưởng, ấp trưởng đều bị trừng trị, rồi chọn người cần tín, mẫn cán khác thay vào.

Phân tích 5 điều trong quy ước ta nhận thấy Nguyễn-công-Trứ đã lo cho dân đủ điều : Giáo dân, tổ chức dân, huấn dân, an dân, thanh dân. Tiếc rằng đình thần cận không dám đề tước công đặt Phi-quí-Trại làm huyện thừa lại, không dám cho tước công thi hành bản quy ước đó ý hấn sợ người thành công thì sẽ tỏ rõ

cả chính sách ngu muội của triều đình.

Với Uy-viễn ta phải nhận rằng bất cứ về bộ môn nào tướng công cũng xuất chúng đúng với câu « sĩ vi bách nghệ » và câu :

*Trong lang miếu ra tài lương đồng,
Ngoài biên thùi rạch mũi Can Tương.*

Và chỉ mới xét về quân sự, kinh tế chính trị cũng đã đủ để cụ :

« Lưu thủ đan tâm chiếu hãn thanh ».

CUỘC SỐNG VÀ TƯ TƯỞNG QUA SỰ NGHIỆP VĂN CHƯƠNG

Đời sống Nguyễn-công-Trứ đã đạt được một thể quân bình tuyệt đẹp. Triết lý hành động đi song song với tư tưởng khinh thế ngạo vật và hưởng lạc : một nhà nhập thế nhần nại tích cực điều hòa với một nhà xuất thế có tâm hồn khoáng đạt, lý trí thực tiễn sắc bén điều hòa với tình cảm nghệ sĩ man mác, lãng mạn.

Nhìn chung, văn chương của Hy-Văn dù không được du dương, điêu luyện, hoa mỹ như văn chương Cao-bá-Quát nhưng cách diễn đạt sáng sủa nhẹ nhàng, giản dị tựa như xuất khẩu thành chương mà vẫn dồi dào, trau lịch, hùng tráng. Tuy gặp bao éo le ngang trái của cuộc đời, tuy đôi khi cụ có cười đời, than đời nhưng không vì thế mà có giọng chua cay ghét đời, chán đời. Cụ thật có hy vọng muốn làm cho đời xấu nên tốt, dở hóa hay, quyết đem cái chí khí hoài bão mà thêu dệt cho non sông thành gấm vóc. Chính vì vậy mà lời thơ cụ luôn luôn khích động được lòng cảm khái, khiến ta nhận thấy chân giá trị của con người biết đem thân ra hăng hái gánh vác các việc khó khăn ích lợi cho đời.

Người ta đã ca tụng hết lời những câu thơ của Corneille. Sainte Beuve khi phê bình Corneille có viết: « Ses tragédies échauffent l'âme, élèvent le cœur,

peuvent et doivent créer des héros » (Những bi kịch của ông nung nấu tâm hồn, nâng cao tinh thần có thể và phải đào tạo những vị anh hùng).

Lời thơ của Uy viễn tướng công cũng có hiệu quả tương tự. Người ta đã nhắc nhiều tới những câu :

A vaincre sans péril on triomphe sans gloire

...

A qui venge son père il n'est rien d'impossible

Ton bras est invaincu mais non invincible.

...

Je suis jeune, il est vrai, mais aux âmes bien nées

La valeur n'attend point le nombre des années.

...

Chiến không nguy nan, thắng không vinh quang

...

Kẻ rửa hờn cho cha thì không có gì là bất khả,

Tay người chưa bị thua, không phải không bao giờ thua.

...

Ta trẻ thật nhưng với những tâm hồn phú bẩm

Thì giá trị tài năng không cần phải đợi số tuổi trời.

Nếu đọc những câu trên đây ta thấy sang sảng như tiếng gươm đao thì đọc những câu sau đây ta cũng thấy như lở sông phá núi :

47 | Khảo Luận Về Nguyễn Công Trứ

- Vòng trời đất dọc ngang ngang dọc,
Nợ tang bồng vai trả, trả vay.
- Đã xông pha bút trận thì gồng gói kiếm cung,
Làm cho rõ tu mi nam tử.
- Cũng có lúc mưa dầm sóng vỗ
Quyết ra tay buồm lái với cuồng phong.
Chỉ những toan xẻ núi lấp sông
Làm nên đáng anh hùng đâu đấy tỏ.
- Trong lang miếu ra tai lương đồng
Ngoài biên thùi rạch mũi Can Tương.
Làm sao cho bách thế lưu phương
Trước là sĩ sau là khanh tướng.

So sánh với điệu văn của Cao-bá-Quát thì ta thấy khu
thể của họ Cao bóng bẩy có sức lôi cuốn như thác ngàn
nước lũ :

*Duyệt thế nhất thân thiên lý mã
Quan thư song nhõn vạn niên đăng.* ⁷

Còn văn thơ của Uy-Viễn tướng công, cụ thể sắc gọi
cũng dư sức thúc đẩy thiên binh vạn mã. Một đảng diễm
lệ chơi vơi, một đảng hùng hồn cao cả, thật là :

Mỗi người một vẻ mười phân vẹn mười

7 - Từng trải việc đời như con ngựa đi ngàn dặm,
(Khi) xem cách, đôi mắt (sáng) như những ngọn đèn
(chiếu vào khoảng thời gian) ngàn vạn năm.

Vì ý thức được rõ rệt trách nhiệm kẻ sĩ, Nguyễn công Trứ đã nêu một cách tổng quát quan niệm nhân sinh của cụ trong bài ca luận về kẻ sĩ.

LUẬN VỀ KẺ SĨ

Địa vị và giá trị của kẻ sĩ.

*Tước hữu ngũ sĩ cư kỳ liệt,
Dân hữu tí sĩ vi chi tiên.
Có giang sơn thì sĩ đã có tên,
Từ Chu Hán vốn sĩ này là quý.*

BA GIAI ĐOẠN CỦA KẺ SĨ

a) Giai đoạn tồn tâm, dưỡng tính, tu thân, nuôi chí khí anh hào của kẻ sĩ :

*Miền hương đảng đã khen rằng hiếu nghị,
Đạo lập thân phải giữ lấy cương thường.
Khí hạo nhiên chí đại chí cương,
So chính khí đã đầy trong trời đất.
Lúc vị ngộ hồi tàng nơi bông tằm,
Hiếu hiên nhiên điệu Vị canh Sắn.
Xe bồ luân dầu chưa gặp Thang Văn,
Phù thế giáo một vài câu thanh nghị.
Cầm chính đạo để tịch tà cự bí,*

Hồi cuồng lan nhi chương bách xuyên.

b) Giai đoạn thực hiện chí khí mình đã ấp ủ từ lâu.

*Rồng mây khi gặp hội ư duyên
Đem quách cả sở tôn làm sở dụng,
Trong lang miếu ra tài lương đồng,
Ngoài biên thùi rạch mũi Can Tương
Làm sao cho bách thể lưu phương,
Trước là sĩ, sau là khanh tướng.*

*Kinh luân khởi tâm thượng, binh giáp tàng hung
trung*

*Vũ-trụ chi gian giai phận sự Nam nhi
đáo thử thị hào hùng.*

**c) Giai đoạn thanh nhàn, sự nghiệp đã trọn, tâm
hồn thoải mái không thắc mắc không cầu mong.**

*Nhà nước yên mà sĩ được thung dung,
Bấy giờ sĩ mới tìm ông Hoàng Thạch.
Năm ba chú tiểu đồng léch-thếch,
Tiêu dao nơi hàn cốc thanh sơn.
Nào thơ, nào rượu, nào địch, nào đàn,
Đồ thích chí chất đầy trong một túi.
Mặc ai hỏi mặc ai không hỏi tới,
Gẫm việc đời mà ngắm kẻ trọc thanh,
Này này sĩ mới hoàn danh.*

Nguyễn-công-Trứ đã tự hào mang đời mình ra nêu gương cho hậu thế.

Chúng ta thử tìm nội dung và nguồn gốc ý chí hành động và tư tưởng khinh thế ngạo vật cùng quan niệm hưởng lạc của Cụ.

Ý CHÍ HÀNH ĐỘNG

NGUỒN GỐC

Nguồn gốc sâu xa của ý chí này là học thuyết Khổng-Tử luôn luôn đề cao mọi cố gắng phục vụ nhân sinh. Chịu ảnh hưởng của Khổng học đậm đà nhất, Nguyễn-công Trứ ước mong :

*May ra mở mặt rìng nho
Quân dân một gánh giang hồ cũng xong.
Nam nhi đảo thử thị hùng.*

Cụ đã vay mượn của Nho tất cả chủ trương quân tử, tự cường bất tức, độc thiện kỳ thân, kiêm thiện thiện hạ, chí tang bồng hồ thủy, chí lập công, chí lưu danh, chí phụng sự.

Trên đây là nguồn gốc sâu xa của ý chí hành động.

51 | Khảo Luận Về Nguyễn Công Trứ

Nguồn gốc gần chính là bối cảnh lịch sử thời đó với những gương lập nghiệp của các bậc anh hùng như Nguyễn Huệ, Nguyễn Ánh...

Nguồn gốc gần nữa là kinh nghiệm bản thân của chính cụ. Nguyễn-công-Trứ, ngay từ buổi đầu của cuộc đời cho tới năm 42 tuổi, đã phải tranh đấu vật lộn, với biết bao nhọc nhằn trong một cảnh nghèo cơ cực.

NỘI DUNG Ý CHÍ HÀNH ĐỘNG

Quan niệm nhân sinh của Nguyễn công-Trứ cũng là quan niệm chung cho tất cả nhà nho lấy Khổng Giáo làm hệ thống tư tưởng tiêu chuẩn. Trong 4 hạng người ở xã hội nông nghiệp Á đông là sĩ, nông, công, thương, thì sĩ được xếp vào bậc lãnh đạo vì là phần tử hiểu biết nhiệm vụ chung phải gánh vác. Sự xếp đặt đó trong tư tưởng Nguyễn-công-Trứ hoàn toàn có tính cách phân công tự nhiên chứ không có ngụ ý trên dưới trọng khinh:

*So lao tâm lao lực cũng một đoàn,
Người nhân thế muốn nhàn sao được ?*

Ý chí hành động của cụ Nguyễn công-Trứ đề có thể tóm tắt bằng mấy điểm chính sau này :

**a) Quan niệm về sự nghiệp công danh
và chí nam nhi**

Nguyễn-công-Trứ rất khinh miệt hạng người trọng danh lợi tiền đếm gạo lường :

*Tiền tài hai chữ son khuyển ngược,
Nhân nghĩa đôi đường nước chảy xuôi.*

Hay lũ bất tài ô trọc vì luồn lọt mà có danh vị :

*Chuồn đội mũ mượn màu đạo đức,
Thịt hay ăn một cục thâm xỉ.*

Hay lũ quần thần châu rìa vô dụng :

*Con voi đánh giặc Đông Tây
Con mèo ngồi bếp ỉa đầy nồi rang*

Theo cụ thì kẻ sĩ phải lập chí, không phải để làm giàu chẳng phải để cầu danh tiếng hão. Đây là cái « chính khí đã đầy trong trời đất », đây là cái « khí hạo nhiên chí đại chí cương ». Kẻ sĩ trông theo đấy mà nuôi chí khí lớn cùng với trời đất, luôn luôn nhằm mục đích « cầm chính đạo để tịch tà cự bí ».

Cụ đã sinh vào thời loạn ly nghiêng ngửa, đời niên thiếu bán bách lại là người thông minh sớm cảm thấy nhiệm vụ của mình.

53 | Khảo Luận Về Nguyên Công Trứ

Chí ấy không thu hẹp trong phạm vi nhân quần xã hội mà bao quát cả hoàn vũ :

*Vũ trụ chức phận nội,
Đứng trọng phu một túi kinh luân.*

Vì thế con người phải đủ tài ba để thực hiện chí rộng lớn :

- Đã xông pha bút trận thì găng gỏi kiếm cung.

...

*- Trong lang miếu ra tài lương đồng,
Ngoài biên thùỵ rạch mũi Can Tương.*

...

*- Kinh Luân khởi tâm thượng,
Binh giáp tàng hung trung.*

Nói tóm lại cụ đã quan niệm chữ danh dựa trên tài đức, dựa trên sự nghiệp hiển hách có cả chiều rộng lẫn chiều sâu để :

Làm sao cho bách thế lưu phương.

Với cụ nhất phẩm triều đình đâu đã là danh, nếu chức tước đó do luôn cúi mà có.

b) Thái độ làm việc

Cụ làm việc bất chấp hoàn cảnh, làm việc với một thái độ tự tín, nhẫn nại, quả cảm hiếm có.

Cụ tin ở tài sức mình :

- *Mà chữ danh liền với chữ thân,*
Thân đã có ắt danh âu phải có.
- *Trong lúc trần ai, ai dễ biết.*
Rồi ra mới rõ mặt anh hùng.

Tin ở lẽ tuần hoàn của trời đất :

- Số khả dĩ rồi thời lại thái,*
Cơ thường đông hết hẳn sang xuân.

Biết khinh đồng tiền :

- Hôi tanh chẳng thú vị gì.*

luôn luôn giữ phẩm hạnh cao quý :

- *Miền hương đảng đã khen rằng hiếu nghị,*
Đạo lập thân phải giữ lấy cương thường.
- *Cầm chính đạo để tịch tà cự bí,*
Hôi cuồng lan nhi chương bách xuyên.

c) Mục đích phụng sự

Quan niệm về công danh và thái độ làm việc của cụ Nguyễn-công-Trứ thì rõ ràng là những cái gì vững và đẹp muôn thuở. Còn mục đích phụng sự có đôi chút nhuộm sắc thái của nền luân lý thời đại :

55 | Khảo Luận Về Nguyên Công Trứ

*Nặng nề thay hai chữ quân thân,
Đạo vi tử vi thân đâu có nhẹ.*

Nhưng xét cho kỹ thì cũng chỉ nhuộm sắc thái luân lý thời đại ở phần hình thức với những danh từ : « nặng nề thay hai chữ quân thân » mà thôi vì cụ đã xác định ngay nội dung của đạo « vi tử vi thân » chính là đem tài năng ra giúp dân giúp nước :

*Nghiêng mình những vì dân vì nước,
Túi kinh luân từ trước để về sau,
Nghìn thu một tiếng công hầu.*

hay :

*Thượng vị đức hạ vị dân,
Sắp hai chữ quân thân mà gánh vác.*

TƯ TƯỞNG PHẬT - TƯ TƯỞNG KHINH THỂ NGẠO VẬT - TƯ TƯỞNG NHÂN VÀ HƯỞNG LẠC - NHÀ THƠ TÌNH CẢM

Là nho gia nhưng cụ không « cuồng tín » như Hàn-Dũ đòi đả phá đạo Phật. Là người Việt khoan dung cụ đã đúc cả tam giáo vào một lò nung trong dòng cảm xúc của cụ không thiếu tiếng nói từ bi của nhà Phật, không thiếu tư tưởng khinh thể ngạo vật của Lão-Trang.

TƯ TƯỞNG PHẬT

Ngồi trên thuyền từ bi cụ thương cho nhân thế trầm luân.

*Thuyền từ một lá chơi vơi,
Bể trần chở hết mấy người trầm luân.⁸
Cảm thấu lẽ huyền vi của đạo Phật cụ đã thốt lên :
Thiên thượng thiên hạ vô như Phật,
Nhỏ không trong mà lớn cũng không ngoài.⁸*

Khi về hưu cụ ở chùa rồi sau khi được mời ra Bắc về cụ lại trùng tu hai ngôi chùa làng.

Nhưng - điểm này mới là điểm đặc biệt - đúng như tinh thần người Việt nêu ý niệm cần thiết « có trời » để đời sống xã hội khỏi rối loạn, khuyến thiện trừng gian

8 - Xem bài « Vĩnh Phật » phần phụ lục.

57 | Khảo Luận Về Nguyễn Công Trứ

- « không trời ai ở với ai » - nhưng người Việt vẫn làm chủ lấy mình và chỉ đem ý niệm trời. Ở đây cụ Nguyễn-công-Trứ rõ ràng quán thấu đạo Phật mà khi tới ở chùa vẫn :

*Gót tiên theo đủng đỉnh một đôi dì,
Bụt cũng nực cười ông ngất ngưỡng,*

TƯ TƯỚNG KHINH THỂ NGẠO VẬT

Tư tưởng này bắt nguồn từ học thuyết Lão-Trang. Lão Tử chủ trương một cuộc sống hồn nhiên phóng khoáng; Trang-Tử tiến thêm một bước, kiện toàn và hệ thống hóa tư tưởng Lão-Tử nhấn mạnh sự tương đối và tính cách hư ảo của thế giới hiện hữu. Đã có một ngày kia mệt mỏi trong cái buồn man mác của cảnh già, ôn lại cuộc đời quá khứ, Nguyễn-công-Trứ xem nhân sinh như ảo mộng :

*Ôi ! nhân sinh là thế ấy, như bóng đèn,
Như mây nổi, như gió thổi, như chiêm bao.
Ba mươi năm hưởng thụ biết ngần nào,
Vừa tỉnh dậy nổi kê chưa chín.*

và :

*Cái hình hài đã chắc thiệt chưa,
Mà lẽo đẽo khúc sâu chi rửa mãi.*

(Vịnh nhân sinh)

TU TƯỚNG NHÂN VÀ HƯỞNG LẠC

Thực ra tư tưởng thường là hệ luận của tư tưởng khinh thế ngạo vật trên. Với Uy Viễn tướng công nhân và hưởng lạc hầu như được đề cao thành một thái độ vĩnh viễn. Ngay từ thuở thiếu thời cụ cũng đã :

*Mặt tài tình đang độ thiếu niên,
Cuộc hành lạc vầy vùng cho phỉ chí*

hoặc cũng rượi với « be sành chấp cổ » cờ với « bàn cờ xăng bảy kiếp nhà ma, chữ nhật chữ điền xiêu xó ».

Cách hưởng nhân của cụ thanh tao cũng có :

*Thi tửu cầm kỳ khách,
Phong vân tuyết nguyệt thiên.*

bài bạc cũng có :

*Nhân sinh quý thích chí,
Cuộc ăn chơi chi hơn thú tụ tam.*

59 | Khảo Luận Về Nguyễn Công Trứ

hiếu sắc cũng có :

*Khi đắc ý mắt đi mây lại,
Đủ thiên thiên thập thập thêm nông.*

Và luôn luôn cụ tỏ ra chuốt lọc. Phải chăng các nhà nho thường vẫn có thái độ tin tưởng rằng năng lực của mình hơn đời ở mọi lãnh vực :

*Sách có chữ nhân sinh thích chí,
Đem ngàn vàng chuốc lấy trận cười,
Chơi cho lịch mới là chơi,
Chơi cho đài các cho người biết tay,
Tài tình dễ mấy xưa nay.*

Tưởng chúng ta cũng nên nhắc tới một yếu tố khác nữa của tư tưởng hưởng lạc, ấy là hoàn cảnh xã hội thời đó, một thời nhiễu nhương loạn lạc vì triều đại đ5oi thay, vì lòng người hoang mang chưa quy hẳn một bề. Suốt trong 30 năm tại chức cụ Nguyễn-công-Trứ từng phải vất vả đánh Đông dẹp Bắc như thế nào chúng ta đã rõ.

Trong và sau buổi loạn ly người ta dễ có khuynh hướng hưởng lạc theo câu : « Cổ nhân bình chúc »⁹ Cụ Nguyễn công-Trứ đã từng đề cao hưởng lạc như một cứu cánh tưởng cũng không lấy gì làm lạ :

*Cuộc hành lạc bao nhiêu là lãi đấy,
Nếu không chơi thiệt lấy ai bù,
Nghề chơi cũng lắm công phu !*

- Bên Trung Hoa, đời Đường (thế kỷ thứ 8 sau Thiên chúa) Lý Bạch viết trong « Tương tiền tửu » « Quân bất kiến Hoàng Hà chi thủy, thiên thượng lai bồn lưu đảo hải bất phục hồi. Đầu thế kỷ này Tản Đà của chúng ta có những câu :

*Ngày xuân còn mãi không thốt,
Tuổi xanh ai dễ xanh rồi lại xanh.*

hay :

*Trời xanh trời cũng khi già
Xuân xanh, xanh mãi đâu mà hồi ai,*

9 - Ở Tây phương nhà thi sĩ La Mã Horace (65-8 trước Thiên chúa) có viết trong một bài đoản thi của ông tư tưởng này : Carpe diem (Cuellle le jour).

NHÀ THƠ TÌNH CẢM

Cuộc tình duyên diễm lệ của Lạc-long-Quân với Âu-Cơ trong khung cảnh hồ Động Đình như bức họa duyên dáng - tuyệt vời còn tồn thức trong lòng mỗi người Việt cho nên như trên đã nói - bên một Uy-Viễn tướng công dũng cảm còn một Hy-Văn tiên sinh xao xuyến với tình yêu.

*Đây là nét sâu tình của tiên sinh :
Hỏi trăng gió, gió trăng hờ hững,
Ngắm cỏ hoa, hoa cỏ ngậm ngùi.*

hoặc chỉ cần hai câu thơ chữ mà gọi lên cả một nếp sống, một nếp cảm nghĩ điển hình của kẻ đương chìm đắm trong sầu tương tư :

*Dục phá sầu thành tu dụng tửu,
Tự tự túy đảo sầu tự sầu.*

(Muốn phá thành sầu nên dùng rượu, nhưng khi uống vào rồi say thì cứ say mà sầu thì vẫn sầu)

*Rồi những câu cảm xúc chứa chan :
Đã gọi người nằm thiên cổ dậy,
Lại đưa hồn lúc ngủ canh đi.*

Chúng ta thấy tâm hồn trữ tình của cụ uyên chuyên thiết tha như của bất cứ nhà thơ trữ tình nào.

NGUYỄN-CÔNG-TRÚ ĐÃ HÒA HỢP HAI LUỒNG TƯ-TƯỞNG NHẬP THỂ VÀ XUẤT THỂ NHƯ THỂ NÀO ?

Như trên đã nói, đời sống của cụ Nguyễn-công-Trú đã đạt được một thể quân bình đặc biệt. Hai luồng tư tưởng : ý chí hành động và khinh thể ngạo vật đi song song bên nhau, cùng hòa hợp một cách linh động theo từng thời kỳ trong cuộc đời. Chúng ta đã biết cuộc đời của cụ Nguyễn công-Trú có thể chia làm ba thời kỳ rõ rệt :

THỜI HÀN VI

(Kéo dài cho đến 1819, năm cụ 42 tuổi khi đỗ giải nguyên).

Thời kỳ này có những bài tự thuật về tuổi trẻ :

*Hai mươi năm lẻ những mơ màng,
Bản tính đã quen giữ nét ương.*

Hoặc nhận xét về nhân tình thế thái :

*Thế thái nhân tình góม chết thay,
Nhạt nồng trông chiếc túi vơi đầy.*

63 | Khảo Luận Về Nguyễn Công Trứ

Và dùi mài kinh sử :

*Đi không há lẽ trở về không,
Cái nợ cầm thư phải trả xong.*

Thời kỳ này cụ hưởng nhân để đợi thời, để quên thế thái nhân tình đen bạc, để giữ vững nhân nại và tin tưởng :

*Mặt tài tình đang độ thiếu niên,
Cuộc hành lạc vầy vùng cho phí chí.*

THỜI KỲ XUẤT CHÍNH (1819 - 1849)

Tới đây ý chí hành động chuyển sang thời kỳ thực hiện « kinh bang tế thế » :

*Trong lang miếu ra tài lương đồng,
Ngoài biên thùỵ rạch mũi Can Tương.*

Trong thời này thì hưởng lạc là một lợi khí để di dưỡng tính tình để phong phú hóa và tế nhị-hóa cuộc sống để trở về thực tại với nụ cười, với đầu óc mới. Đó là khoảng thời gian mà hai luồng tư tưởng trên đang ở mức quân bình nhất :

*Đem thân thể nương miềm toàn thạch,
Trốn đường danh mua lấy cuộc nhàn.*

THỜI KỲ VỀ GIÀ (1848 -1858)

Tới đây triết lý hành động mờ nhạt nhường cho tư tưởng phóng dật của Lão Trang. Cụ ngắm lại bước đường đã qua để suy ngẫm về lẽ đời :

*Chen chúc lợi danh đà chán ngắt,
Các tùng phong nguyệt mới vui sao.
Đám phồn hoa trót bước chân vào,
Sực nghĩ lại giật mình bao xiết kể.*

Tư tưởng nhàn và hưởng lạc được đề cao đến tột bậc:

*Hẹn với lợi danh ba chén rượu,
Vui cùng phong nguyệt một bầu thơ.
Chuyện cổ kim so sánh tựa bàn cờ,
Riêng vui thú giang sơn phong nguyệt.*

Cách hưởng nhàn của cụ vô cùng hồn nhiên :

*Đô môn giải tổ chi niên,
Đạc ngựa bò vàng đeo ngất ngưỡng.*

Vô cùng sáng khoái :

*Cầm tứ tiêu nhiên kỳ tứ sáng,
Thi hoài lạc hĩ tửu hoài nồng.*

65 | Khảo Luận Về Nguyễn Công Trứ

Không còn vương chút bụi trần :

*Khi ca, khi tửu, khi cắc, khi tùng,
Không phạt, không tiên, không vương tục.*

VÀI NHẬN XÉT VỀ THI CA NGUYỄN-CÔNG-TRỨ

NHỮNG BÀI CA-TỤNG Ý-CHÍ HÀNH ĐỘNG

Trong những bài này có lẽ cụ chú trọng nhiều về phần tư tưởng nên lời văn tuy xét riêng từng bài, bài nào bài nấy đánh thép già dặn, nhưng xét chung toàn thể phải nhận rằng rất nhiều bài trùng ý, trùng lời :

*Đô kê xá chi con tạo,
Nợ tang bồng quyết trả cho xong.*
(Chí nam nhi)

*Tang bồng hô thử nam nhi trái,
Cái công danh là cái nợ nần.*
(Nợ nam nhi)

*Vòng trời đất dọc ngang, ngang dọc,
Nợ tang bồng vay trả trả vay.*
(Chí làm trai)

*Vũ trụ nội mạc phi phận sự,
Ông Hy Văn tài bộ đã vào lồng.
(Bài ca ngất ngưỡng)*

*Vũ trụ chi gian giai phận sự,
Nam nhi đảo thời thi hào hùng.
(Kẻ sĩ)*

*Vũ trụ chức phận nội,
Đứng trượng phu một túi kinh luân.
(Phận sự làm trai)*

*Vũ trụ giai ngô phận sự
Chẳng công danh chi đứng giữa trần hoàn.
Chỉ tang bồng hẹn với giang san,
Đường trung hiếu chữ quân thân là gánh vác.
Thi rằng đã mang tiếng trong trời đất,
Phải có danh gì với núi sông.
(Nợ tang bồng)*

*Nặng nề thay hai chữ quân thân,
Đạo vi tử vi thân đâu có nhẹ ?
(Nợ nam nhi)*

67 | Khảo Luận Về Nguyễn Công Trứ

*Đã mang tiếng ở trong trời đất,
Phải có danh gì với núi sông,
Trong lúc trần ai, ai dễ biết,
Rồi ra mới rõ mặt anh hùng.*

(Đi thi tự vịnh)

Ta thấy những ý và lời nói về nợ tang bồng, phận sự trong vũ trụ, đã sinh ra phải có danh với núi sông, đạo vì tử vi thần nhắc đi nhắc lại trong nhiều bài.

NHỮNG BÀI THƠ TÌNH-CẢM, CA-NGỌI CHỮ NHÀN, HƯỞNG LẠC

Trong những bài này lời thơ trau chuốt đả lặc, nhịp thơ uyển chuyển mỗi bài một vẻ không trùng lời không điệp ý :

*Sầu ai lấp cả vòm trời
Biết chẳng chẳng biết hồi người tình chung.*

(Vịnh sầu tình)

*Gió trăng chứa một thuyền đầy,
Của kho vô tận biết ngày nào với.*

(Vịnh tiền Xích Bích)

*Án ngọc gương tình soi vạn cổ,
Đình trầm lửa kiếp nấu ba sinh.
(Nhớ tri âm)*

*Kìa những người mái tuyết đã phau phau
Run rẩy kẻ đào tơ còn mảnh mảnh.
(Tuổi già cưới hầu) ¹⁰*

ĐỊA VỊ NGUYỄN CÔNG TRÚ TRONG THI CA

Với cốt cách riêng biệt, với một bản ngã vững chãi, cụ đã mang vào thi văn nước nhà một luồng sinh khí mới. Lời thơ bao giờ cũng nồng nàn, thành thật rõ ra là đã được sáng tác trong những lúc cảm hứng tràn ngập tâm hồn.

Lời thơ thì thế, còn về tư tưởng như trên ta đã thấy có sự quân bình giữa tư tưởng hành động và tư tưởng khinh thế ngạo vật hưởng nhàn. Ngoài ra chúng ta còn có thể ghi thêm một nhận xét : Trước đây nền văn chương bác học thế kỷ XVIII vẫn còn nép mình trong khuôn khổ chật hẹp của Nho giáo (Cung oán, Chinh phụ ngâm, Hoa tiên truyện) sang đầu thế kỷ thứ XIX Nguyễn Du

10 - Ông Đào duy Anh về tận làng Uy Viễn xét gia phả nhà họ Nguyễn mới biết cụ Nguyễn có tới mười bốn vợ.

69 | Khảo Luận Về Nguyễn Công Trứ

và Hồ-xuân-Hương đã làm nứt rạn khá nhiều khuôn khổ, tới Nguyễn-công-Trứ thì nền văn chương của ta hoàn toàn bước sang một giai đoạn mới không quá nề giáo nữa.

Ngay từ thuở « anh hùng còn vị ngộ » mà ý nghĩ lập công đã đi song song với hưởng lạc :

*Chỉ những toan xẻ núi lấp sông,
Làm nên đáng anh hùng đâu đấy tỏ.
Đường mây rộng thênh thênh cử bộ.
Nợ tang bông trang trắng võ tay reo,
Thanh thời thơ túi rượu bầu.*

Khi sự nghiệp đã thành tựu thì 73 tuổi mà còn lấy nàng hầu :

*Tân nhân dục vấn lang niên kỷ,
Ngũ thập niên tiền nhị thập tam
Lên chùa cũng mang theo cả nàng hầu :
Kìa núi nợ phau phau mây trắng,
Tay kiếm cung mà nên dạng từ bi.
Gót tiên theo đủng đỉnh một đôi dì,
Bụt cũng nực cười ông ngất ngưỡng.*

Với thái độ yêu đời không điều kiện, với văn tài điêu luyện, nét bút tươi tắn, những lúc đắc ý hay những lúc sầu khổ trong đời, bao giờ Nguyễn công Trứ cũng thể

hiện được mọi trạng huống khác nhau đó trong những bài thơ vô cùng linh hoạt.

Sang đầu thế kỷ XX này thi hào Tagore Ấn Độ có viết :

« Hãy sống, hãy có cái vui thích thực tình : đó là niềm vui của nhà thi sĩ thả tâm hồn trong bài thơ của mình định sáng tác. Hãy biểu lộ khả năng vô cùng của ta trong tất cả sự vật quanh ta, trong công việc ta làm, trong những vật ta dùng trong thế giới ta vui sống... »

Thái độ mà Tagore ca tụng, chính là thái độ mà cụ Nguyễn công Trứ đã từng thể hiện trong cuộc sống từ ngót một thế kỷ trước đây vậy.

QUAN NIỆM NHÂN-SINH CỦA NGUYỄN CÔNG TRỨ

Ta có thể nói tư tưởng và hành động Nguyễn-công-Trứ đã thể hiện trọn vẹn nhân sinh quan của dân tộc Việt khi cụ tổng hợp được cả tam giáo trong một nếp sống thật là hồn nhiên, (xem lại chương V). Thường thường thì hai tư tưởng xuất thế và nhập thế của Lão Khổng mâu thuẫn nhau. Nho giáo theo lẽ doanh hư của âm dương, phân biệt thời thuận và thời nghịch. Thời thuận thì xuất thế để gánh vác việc đời « kiêm thiện thiện hạ »,

71 | Khảo Luận Về Nguyễn Công Trứ

mang đạo ra giáo hóa quần chúng. Thời nghịch thì ẩn tàng « độc thiện kỳ thân » tự tu tự cải chính tâm thành ý đề sửa soạn ra gánh vác việc đời.

Lão Trang trái lại chủ trương sống theo thiên nhiên, không giúp đời cũng không ảnh hưởng đến đời, cốt hưởng hạnh phúc thanh cao, cởi bỏ hết mọi ràng buộc cho tâm hồn luôn luôn thanh thoi.

Sở dĩ Nguyễn-công-Trứ đã điều hòa được hai luồng tư tưởng trái nghịch đó chính vì cụ đã biết chia cuộc đời ra thành từng giai đoạn. Con người phức tạp tùy theo tuổi tác mà cách sống thay đổi nên cách thức phân chia giai đoạn của cụ rất hợp lý và có thể thỏa mãn mọi người ở mọi thế hệ.

Tổng hợp tam giáo không máy móc, Nguyễn-công-Trứ còn ý thức được bản vị của con người với cá tính và sự nghiệp riêng biệt.

*Từ nghìn trước để nghìn sau,
Kết cục lại một người riêng một kiếp.*
(Nghĩa người đời)

Đời nay trọng ngôi vị con người thì ý kiến trên đây của Nguyễn-công-Trứ được coi là lẽ dĩ nhiên; nhưng ở thời đại tướng công, con người chỉ được coi như hồi quang của vũ trụ, như một tể bào vô danh của gia đình

và xã hội, tư tưởng về cá tính ấy thật mới mẻ.

Ta có thể kết luận : Lão Trang chủ trương thiên lệch ưu du, Khổng Mạnh chủ trương thiên lệch « tự cường bất tức », đều không hợp với con người. Con người với cá tính đặc thù là toàn bộ viên mãn, có tranh đấu hành động mà cũng biết giải trí thưởng thức thiên nhiên. Điều hòa hai quan niệm Lão Trang và Khổng Mạnh, Nguyễn-công-Trứ đã tạo nên một nhân sinh quan đầy đủ - (tổng hợp tất cả tư tưởng Á đông), kiện toàn và nhân loại (vừa hành động vừa giải trí hưởng nhàn), lại thanh cao vì luôn luôn hướng thượng điều hòa mâu nhiệm tình, lý và chí. Đó là điển hình của con người viên mãn của thế kỷ XX (Conception de l'homme total).

Đến đây ta còn cần phân biệt con người điển hình của Nguyễn-công-Trứ với con người siêu nhân của Nietzsche (Surhomme de Nietzsche). Hai quan niệm khác nhau một trời một vực. (1) Con người siêu nhân của Nietzsche là con bệnh chỉ biết có uy quyền, sống cho uy quyền cố thân đoạt uy quyền đề thỏa mãn thú tính, dù dày xéo lên quyền lợi, sinh mạng kẻ khác. Chủ nghĩa vị chủng của Hitler là một hồi quang của tư : ưởng siêu nhân. Chủ trương độc tài, tôn sùng cá nhân hiện còn thịnh hành bên kia bức màn sắt lại là một hình thức khác của ý thức siêu nhân.

73 | Khảo Luận Về Nguyễn Công Trứ

(1) Ông Nguyễn-bách-Khoa trong cuốn khảo luận về Nguyễn-công-Trứ cho rằng : « Nguyễn-công-Trứ nuôi ý thức siêu nhân mà ý thức siêu nhân chính là một điều khả bài ».

Người lập thuyết ý thức siêu nhân Nguyễn công Trứ lập luận như sau :

« Nguyễn-công-Trứ một nho sĩ, đại biểu trung thành của giai cấp thống trị.

Để giữ vững ngôi thống trị của mình người nho sĩ phải luôn luôn tìm cách đàn áp những giai cấp bị trị, đàn áp mọi mặt; vật chất cũng như tinh thần. Cho tới lãnh vực ăn chơi nữa, Nguyễn công Trứ cũng chủ trương phải khác đời, phải hơn đời :

*Chơi cho lịch mới là chơi,
Chơi cho đài các cho người biết tay.*

Tại sao có sự cạnh tranh giữa các giai cấp trên thị trường du hí ? Hồi đầu thế kỷ XIX trong buổi giao thời Lê Nguyễn manh nha một sự xáo trộn giai cấp. Lợi dụng thời nhiễu loạn bọn phú thương phú nông, cường hào ngày một làm giàu trong khi giai cấp nho sĩ ngày một xuống dốc. Vì vậy ở nơi cao lâu tửu quán giai cấp nho sĩ đem thái độ chuốt lọc ra để đàn áp tinh thần đối phương. Cho nên quan niệm hành lạc của Nguyễn-

công-Trứ chính là một phương tiện thống trị ».

Không phủ nhận lời giải thích văn học bằng kinh tế và xã hội mặc dầu biết rằng lời giải thích đó cũng chỉ đưa ra một trong muôn ngàn khía cạnh của chân lý, ở đây chỉ nhấn mạnh tính cách lạc thời của người lập thuyết. Việc xáo trộn trên chỉ có thể có sau việc người Pháp chiếm nước ta (từ 1861 trở đi). Còn khoảng đầu thế kỷ XIX tuy có sự thay đổi triều đại từ Lê sang Nguyễn, song nước nhà vẫn giữ chủ quyền độc lập và hãy còn ở trong hệ thống văn hoá cổ truyền Đông phương trong người nghệ sĩ. Phải đến cuối thế kỷ XIX mới đặt ra vấn đề tồn vong đất nước và tranh chấp văn hóa Đông Tây, do đó mới có sự tan rã của giai cấp cho sĩ như trên đã nói.

Con người của Nguyễn-công-Trứ thích làm việc kỳ lạ nhưng phải giữ đạo đức, phải tu thân. Những việc kỳ lạ ấy phải nhằm mục đích mưu đồ thực hiện hạnh phúc cho dân cho nước và không bao giờ vì sủng đồ của mình mà làm hại đến sinh linh.

Nguyễn-công-Trứ cao cả hơn tất cả những lời tâng bốc của bất cứ ai. Giáo-sư Lê-Thước khi tán tụng « Nước ta có một bậc vĩ nhân, nói về công thì công rất lớn, nói về đức thì đức rất đầy, mà nói về ngôn-luận

thì ngôn luận văn chương rất có giá trị » đã không làm nhưng chưa đủ, đi ngoài sự nghiệp cao cả, Nguyễn-công-Trứ còn đề lại một ý-thức sâu sắc hơn nhiều.

Không triển khai được hết giá trị nhân sinh quan của Nguyễn-công-Trứ là cái tội của nhà Nguyễn, không hiểu được cái vận động của làn sóng đáy Việt là cái mù quáng không thể tha thứ được của triều thần nhà Nguyễn. Vì quyền lợi một gia tộc, một triều đại, mà làm gãy đà tiến của lịch-sử Việt cũng là tại nhà Nguyễn.

Từ cuối thế kỷ XVIII, đầu thế-kỷ XIX, cùng với trào lưu đảo lộn ở thế giới (Đại Cách-mệnh ở Pháp, chiến tranh độc-lập ở Hoa-kỳ), người Việt quật khởi. Trần Đông-Đa đánh dấu cuộc quật khởi ấy. Quang Trung có sáng kiến đặt kế hoạch 10 năm để kiến thiết chính trị, kinh tế, có thiên tài quân sự vượt bậc, lại biết mời La-sơn phu tử lập Sùng-chính viện để gây dựng nền Quốc học Việt. Nguyễn-Du thì bình dân hóa, điều hòa triết lý Nho, Phật với tư tưởng Việt, Hồ-xuân Hương Việt hóa thơ Đường luật, bình dân hóa đề tài ngâm vịnh... Trên đường tiến từ Hàn Thuyên, qua Hồ quý-Ly, Nguyễn-bình-Khiêm đến Quang-Trung và La-sơn phu-tử, người Việt chỉ có một ý-nguyện : thoát ly ảnh hưởng Hán học bằng cách thu hút mọi tinh hoa, hun đúc thành một cái gì riêng biệt của mình. Họ chưa làm được nhưng họ đã đặt mốc, ngấm hương, sửa đường. Nguyễn công-Trứ

hoặc ngẫu nhiên, hoặc hữu ý đã muốn hoàn thành công việc đó : phác họa điển-hình kẻ Sĩ, nêu gương cho hậu thế, hun đúc một con người đặc biệt tiêu-biểu cho nòi giống Lạc Hồng.

Đừng bảo tiên sinh vay mượn. Không-Tử cũng chỉ là tập đại thành những tư tưởng mạnh nha từ Phục-Hy qua Nghiêu Thuấn, Văn-Vương. Không-Tử đi chu du thiên hạ mà không tìm được thổ ngơi để thực hiện chí của mình. Nguyễn-công-Trứ đã thực hiện chí của mình, trên cả phương diện quân sự chính trị, kinh tế và lập thuyết.

Thuyết của cụ, cụ đã thực hiện bằng chính đời cụ. Cụ là hiện thân của lý thuyết đạt đến mực tối cao của Chí Thành « tri hành hợp nhất » không kém gì Vương-thủ-Nhân.

Thuyết ấy không diễn đạt bằng những lời văn sâu sắc bí hiểm mà bằng lời Việt, thể văn Việt vừa sáng sủa dễ hiểu vừa nhịp nhàng theo điệu ca hát dễ dễ thể nhập vào tâm hồn bình dân. Giả sử thuyết đó gặp thời cơ thuận tiện mà được triển khai, thực hiện viên mãn thì Nguyễn-công-Trứ đã mở một kỷ nguyên văn minh Việt, vì văn minh là gì, nếu không phải là cái cố gắng của con người tìm thực hiện một điển hình người. Người Anh thực hiện điển hình « quý phái » (gentleman), người Pháp thực hiện con người chính nhân (honnête homme).

Khổng Tử nêu ra quan niệm quân tử, đạo Lão hun đúc đạo sĩ, tiên nhân, đạo Phật đào tạo các bậc Bồ tát, đạo Thiên-Chúa được duy trì bằng những Tông-đồ (apôtre) Nguyễn-công-Trứ phác họa « Kẻ-Sĩ » công lao sáng tạo không phải nhỏ vậy, nhất là như trên đã nói, kẻ sĩ của cụ là con người viên mãn điều hòa cả tình cảm, lý trí, sống rất nhân loại mà lại có ý tưởng vượt nhân loại, hướng thượng vào con đường siêu thoát vĩnh cửu.

Lúc này, những giá trị Đông-Tây đều suy sụp, nhân loại đương tìm một điển hình người viên mãn toàn diện. Những điển hình cán bộ (cadre), người tổ chức (organisateur de Burnham) ¹¹ không gây được ham muốn ở lòng người, không thỏa mãn thời đại. Những con người hiện sinh (existentialiste) chỉ là những ma chơi vất vưởng với đời. Nước Việt đứng trước ngã ba đường phải trở về truyền thống của mình để cố phác họa và thực hiện một điển hình Người.

11 - Trong cuốn L'ÈRE DES ORGANISATEURS, Burnham chủ trương : kinh tế máy móc của thế giới ngày một tinh xảo càng đòi hỏi những người tổ chức nhiều khả năng. Thế giới sẽ không rơi vào tay tư bản, cũng không rơi vào tay Cộng sản mà rơi vào tay những người có óc tổ chức. Trong những năm 1946 1947 cuốn L'ÈRE DES ORGANISATEURS này rất được hoan nghênh nhưng đến nay ít ai nhắc tới nữa.

Nguyễn-công-Trứ với tư tưởng, sự nghiệp và đời sống đó đã sáng tỏ trong thâm tâm mọi người. Tiên sinh như một pho tượng đồng nặng nề nhưng vĩ đại « ai lay chẳng chuyển ai rung chẳng rời » để cho cả đoàn thanh niên Việt suy ngẫm. Vì Nguyễn-công-Trứ là kết tinh của trào lưu chống đối Trung-quốc và gây dựng văn minh Việt, công nghiệp ấy chưa đến ngày thành thụ nên không thành công nhưng cũng là bước đầu mở đường cho những công cuộc phục hưng vĩ đại ở tương lai.

Một Nguyễn-công-Trứ với Công, Đức, Ngôn vẹn toàn làm cho ta tin ở khả năng tài đức của ta, của nòi giống Lạc Hồng.

MỘT VÀI GIAI THOẠI VỀ NGUYỄN CÔNG TRỨ

Tài liệu của giáo sư Lê Thước trong cuốn NGUYỄN-CÔNG-TRỨ.

Trời phú tính hay thơ nên trong khi giao tiếp với đời, xúc cảm thế nào xuất khẩu thành chương thế ấy lời thơ dễ dàng hồn nhiên.

Tương truyền một hôm cụ đi học đường xa, bà thân mẫu cấp cho một quan tiền để làm lộ phí. Lúc đi qua một cánh đồng thấy lũ trẻ đang đánh dôi cụ thấy vui cũng ghé vào đánh chẳng mấy chốc thua hết sạch cả tiền, bèn đứng dậy ra đi, nhân vịnh bài thơ có câu rằng :

*Tưởng làm đôi chữ cho vui vậy,
Bỗng chốc nên quan đã sượng chưa*¹².

Lúc đã lớn tuổi học càng giỏi nhưng vì gia thế đã nghèo, thành đạt lại muộn nên cảnh ngộ cụ càng quẫn bách gian truân. Dù thế mặc lòng cụ không hề oán trách số phận, lúc nào cũng ung dung cho rằng cảnh ngộ càng

12 - Tiếng Nghệ « chữ » nghĩa là chữ viết lại có nghĩa là đồng tiền. Câu này nghĩa thực là : tưởng đánh chơi vài đồng cho vui, ai ngờ thua mất cả quan đã cực chưa ! Nhưng lại có ý nói là : Tưởng đi học biết ít chữ cho vui ai ngờ học chơi mà cũng làm nên quan đã sượng chưa.

khó khăn chí khí càng được rèn đúc. Dưới đây là đôi câu đối cù dán nơi phòng học thừa bàn hàn đó :

*Mạc vị khôn hành phi ngọc nhữ
Cảm tương bản tiện cố kiêu nhân*

Nghĩa là :

*Vận khó trời càng trau vẻ ngọc,
Thân nghèo ta dám cố khinh ai.*

Năm Gia-Long thứ hai ¹³, đức Cao-Hoàng ngự giá Bắc tuần, trú tất tại tỉnh Nghệ-An, Nguyễn-công-Trứ tuy còn là một kẻ thư sinh mà cũng tới hành cung dâng một bài điều trần gọi là « thái bình thập sách ». Vua xem rồi giao bộ Lại duyệt tâu. Nội dung bản điều trần ấy trong sử không chép rõ chỉ biết có được đức Cao-Hoàng ban khen và các quan đình thần chú ý.

Vì thế nên đến lúc mở khoa thi, cử quan trường đi chấm, quan Tả quân Lê-văn-Duyệt có dặn riêng phải lấy cù đậu, để thu dụng cù cho khỏi di ngại về sau.

Dưới đây là một đôi câu đối tương truyền là cù làm trước khi đi thi :

13 - Trong gia phả chép Minh Mạng nhị niên, có lẽ sai. Nay theo liệt truyện và theo lời truyền văn mà cải lại.

81 | Khảo Luận Về Nguyễn Công Trứ

Anh em ôi ! băm sáu tuổi rồi, khắp Đông Tây Nam Bắc bốn phương trời, đâu cũng lừng danh công-tử-xác.

Trời đất nhỏ ? một phen này nữa, xếp cung kiếm cầm thư vào một gánh, làm cho nổi tiếng trượng phu kênh.

Năm ấy thi, cụ đậu tú tài (1813) đến khoa sau (1819) mới đậu giải nguyên.

Sau khi đã được vua Tự Đức chuẩn cho cụ về hưu (1848) từ đấy cụ thật có thái độ phiêu nhiên vật ngoại, nào là mùi hoạn huông, nếp phong lưu đều gác sạch; hằng ngày mặc áo lụa xanh, vận quần vải đỏ, đi đâu chẳng ngựa chẳng xe chỉ dùng đỉnh trên lưng con bò vàng mà đeo đạc ngựa, một bậc trọng thần danh tướng nghiêm nhiên đã thành một người dã tẩu thôn ông.

Năm Tự Đức thứ hai, cụ vào ở một cái chùa trên núi Cẩm Sơn, thuộc xã Đại-Nại, gần tỉnh Hà-Tĩnh bây giờ. Nguyên chùa ấy lập ra từ đời Lê nhưng trải bao phen gió dập mưa vùi, nên đã tồi tàn cũ rích. Lúc cụ còn làm quan, mỗi khi ra Bắc đi qua đó thường lên núi du lãm, nhân có tự hện rằng : « Nếu ta được thỏa chí nguyện của ta thì quyết không phụ cái núi này ». Cho nên khi vừa về hưu, đi chỗ ấy, dân xã Đại-Nại nhớ lời ra đón rước xin cụ lưu ở lại. Cụ ưng thuận. Các quan chức trong kinh ngoài quận, đi qua về lại, ai cũng lên núi vào chùa, hỏi han thăm viếng, dấu xe chân ngựa lúc nào

cũng tập nập ở trước cửa ngoài.

Năm Minh Mạng thứ tư (1851) cụ ra chơi Bắc, lúc trở về tô sửa chùa Viên Quang và chùa Trung Phù tại chính quán rồi nhân làm nhà bên cạnh chùa mà ở.

Năm Minh Mạng thứ năm (1852) dân huyện Tiền Hải nhân chỗ nền nhà cụ ở trong buổi làm Dinh điền sứ dựng lên một cái sinh từ để kỷ niệm công đức của cụ. Lúc hoàn công, cử người vào rước cụ ra chơi. Cụ bèn ra Bắc một lần nữa. Nghe tin cụ ra, dân hai huyện Tiền Hải và Kim Sơn đều đặt lễ chúc mừng tại sinh từ rồi lưu cụ ở lại, mỗi năm gặp ngày sinh nhật và xuân thu nhị kỳ các sở sinh từ đều trần thiết đồ nghi trượng rất là long trọng rồi rước bách linh xem cụ như một vị thần sống. Bấy giờ có một viên thị vệ thấy thế bèn bịa đặt tâu vua rằng cụ có dị chí. Vua hạ mật chiếu sai quan Tổng đốc Hoàng-văn-Thu, (ông này là môn đệ của cụ) dò xét và đòi cụ về kinh¹⁴. Cụ từ già Bắc kỳ ra về, vào đến kinh,

14 - Đem lòng nghi kỵ một lão thần đã phục vụ triều đình tận tâm, tận lực, điều này càng chứng tỏ nhận xét của giáo sư Lê Thước là xác đáng : « Cụ Nguyễn-công-Trứ làm quan hay bị truất giáng như thế là bởi có tại cụ cũng có, người có tài thường hay cậy tài và hay mang oán, nhưng phần nhiều là bởi tại nhà vua có lòng hẹp hòi, không muốn trọng dụng cụ, để cụ được đắc thời hành đạo, đem hết tài kinh luân ra mà tế thế

83 | Khảo Luận Về Nguyễn Công Trứ

các quan tại triều và tại các tỉnh Bắc kỳ đều dâng sớ kêu oan cho cụ. Người thị vệ bấy giờ khiếp sợ bèn tự tử, vua biết là nói vu, liền xuống chỉ yên ủi cụ và cấp cho một trăm quan tiền để làm lộ phí mà trở về. Từ đây cụ không ra Bắc nữa.

Hiện giờ trong di thảo còn bức thủ thư do chính cụ viết cho một người bạn làm quan ở sử quán đề biện bạch tâm lòng trung thành và u uất của cụ. Đại ý mấy dòng chữ đó như sau :

« Đã bệnh ly lại sốt rét, chúng chết đều hiện ra thì chết cũng chẳng tiếc gì. Nhưng chết mà không được phân minh thì còn phải đợi khua trống kiện cho ra chết mới nhắm mắt, còn lúc đã xuống đất rồi thì việc mình thế nào đã có sử quan ghi chép : Xem rồi đốt đi. »

Cùng bản di thảo đó có mấy dòng phê của sử quan. Dòng thứ nhất phê vào chỗ cụ nói sắp chết mấy chữ này: « Vị đạo Tiên đường giang » nghĩa là chưa chết được đâu. Còn mấy dòng sau ý nói rằng « Nếu cụ mà khua trống kiện cho ra được thì ngòi bút của nhà chép sử dám đâu bỏ qua mà không chép ».

Tương truyền lúc cụ ở kinh, Vua Tự-Đức có vời vào bệ kiến để cụ giải bày tâm sự cho rõ thực hư. Nhân có hỏi cụ rằng : Ở hạt Tiền Hải và Kim Sơn dân tình làm trạch dân ».

ăn ra sao ? Cụ râu : Dân hai huyện ấy làm ăn rất là vui vẻ, ngày thì lo cày cấy tối về đập lúa hò khoan trông ra thật có vẻ « muôn dân trăm họ, thái bình âu ca. » Chúng có những câu hát đố rất là tài tình thú vị.

Vua hỏi : Như câu gì ?

Cụ râu : Như câu này :

Đem thân cho thế gian ngồi,
Không thương thì chớ lại cười bất trung.

Vua hỏi như vậy là cái gì.

Cụ đáp : Râu Bệ hạ chúng nó nói ấy là cái phản.

Vua lại hỏi :

Còn câu gì khác nữa hay không ?

- Râu Bệ hạ còn câu này cũng hay lắm :
Ngay lòng ở với nước nhà,
Người dù không biết giò đà biết cho.

Vua hỏi :

- Như vậy là cái gì ?

- Râu Bệ hạ chúng nó nói ấy là cái máng !

Vua biết ý cụ ám chỉ việc cụ bị oan nên động lòng thương mà an ủi cụ rồi cho cụ trở về nguyên quán.

85 | Khảo Luận Về Nguyễn Công Trứ

Từ đấy về nhà, cụ không đi đâu nữa, khi Giang Đình¹⁵ câu cá, khi Quy Lĩnh¹⁶ ngâm thơ, hầu gái một vài cô, hầu trai ba bốn cậu, đứng đỉnh bò vàng đặc ngựa, thanh thời ngày tháng tiêu dao.

15 - Giang Đình là cái nhà mát cụ làm ở bến Lam Giang

16 - Quy Lĩnh là một quả núi gần làng cụ ở.

PHỤ LỤC

KHẢO LUẬN VỀ NGUYỄN CÔNG TRỨ

Kẻ sĩ

*Tước hữu ngũ, sĩ cư kỳ liệt,
Dân hữu tứ, sĩ vi chi tiên (1).
Có giang sơn thì sĩ đã có tên,
Từ Chu, Hán, vốn sĩ này là quý.*

*Miền hương đảng đã khen rằng hiếu nghị (2)
Đạo lập thân phải giữ lấy cương thường (3)
Khí hạo nhiên chí đại chí cương (4).
So chính khí đã đầy trong trời đất (5).*

*Lúc vị ngộ, hối tàng nơi bông tât (6).
Hiên hiên nhiên điệu Vị, canh Săn (7).
Xe bò luân (8) dầu chưa gặp Thang Văn (9).
Phù thế giáo một vài câu thanh nghị (10).*

*Cầm chính đạo để tịch tà cự bí (11).
Hồi cuồng lan nhi chương bách xuyên (12).
Rồng mây khi gặp hội ưa duyên,
Đem quách cá sở tồn làm sở dụng.*

87 | Khảo Luận Về Nguyễn Công Trứ

*Trong lang miếu ra tài lương đóng (13).
Ngoài biên thùi rạch mũi Can Tương (14).
Làm sao cho bách thế lưu phương (15).
Trước là sĩ, sau là khanh tướng.*

Kinh luân khởi tâm thượng, binh giáp tàng hung trung :

Vũ trụ chi gian giai phận sự, nam nhi đáo thủ thị hào hùng (16).

*Nhà nước yên mà sĩ được thung dung,
Bấy giờ sĩ mới tìm ông Hoàng Thạch (7).*

*Năm ba chú tiểu đồng léch théch.
Tiêu dao nơi hàn cốc, thanh sơn (18),
Nào thơ, nào rượu, nào địch, nào đàn,
Đồ thích chí chất đầy trong một túi.*

*Mặc ai hỏi mặc ai không hỏi tới,
Gẫm việc đời, mà ngắm kẻ trọc thanh.
Này này sĩ mới hoàn danh.*

Đại ý. - Bài ca trù trên tóm tắt tất cả chương trình hành động của một kẻ sĩ. Ta có thể nhận thấy ba thời kỳ: lúc còn hàn vi là thời kỳ kẻ sĩ phải tồn tâm dưỡng tính; khi « rông mây gặp hội », kẻ sĩ phải đem hết tài kinh luân ra giúp nước, giúp dân và đến khi nước nhà yên,

kẻ sĩ sẽ sống một đời nhàn tản.

Chú thích.

(1) Tước có năm bậc (Thượng đại phu hạ đại phu, thượng sĩ, trung sĩ, hạ sĩ) sĩ được kể vào trong bậc ấy; xã hội có bốn giai cấp (sĩ, nông, công, thương) sĩ đứng hàng đầu.

(2) Thảo với cha mẹ, thuận với anh em.

(3) Cương thường : tam cương, ngũ thường; (cương : mỗi giường) tam cương là cha con, vua tôi, vợ chồng : ngũ thường là nhân, nghĩa, lễ, trí, tín.

(4) Cái khí lớn lao, rất to rất mạnh.

(5) Chính khí : khí tiết ngay thẳng của các bậc anh hùng liệt sĩ.

(6) Lúc chưa gặp thời còn ẩn náu ở chỗ thôn dã (bồng, tất cả là hai thứ cỏ).

(7) Điều Vị : câu ở bờ sông Vị : Khương tử Nha, ngồi câu cá trên bờ sông Vị, sau gặp Văn Vương nhà Chu đón về làm tướng giúp Võ Vương (con Văn Vương) đánh vua Trụ, lập nên cơ nghiệp nhà Chu; canh Sắn: cây ở đất Sắn. Y Doãn là người cày ở đất Sắn, vua Thành Thang nhà Thương mời ba lần mới chịu ra làm tướng giúp vua Thang trừ được vua Kiệt mà lập nên nhà Thương.

89 | Khảo Luận Về Nguyễn Công Trứ

(8) Xe bò luân : bánh xe ngày xưa quán cỏ bò cho êm.

(9) Thang, Văn vua Thang dựng nên nhà Thương, vua Văn Vương dựng nên nhà Chu.

(10) Giúp cho nền đạo giáo của người đời bằng những lời bàn, khen điều hay, chê điều dở.

(11) Đem cái học chân chính mà bài bác những điều gian tà.

(12) Ngăn sóng dữ để giữ giòng sông.

(13) Lãng miếu : đền đài nhà vua. Lương đồng : giường cột, nghĩa bóng là bày tôi giỏi cang đáng được việc nước.

(14) Tên thanh gươm của Ngô hạp Lư, ở đây có nghĩa là dùng binh khí mà giữ yên bờ cõi.

(15) Để tiếng thơm ghi lại muôn đời.

(16) Tài sắp đặt việc nước tự trong lòng mà ra, đồ dùng để đánh giặc chứa sẵn trong bụng : trong khoảng trời đều là phận sự của mình, là người con trai đến thế mới gọi là hào hùng. Ý nói làm tài trai phải giỏi cả văn lẫn võ, bất cứ việc gì cũng làm được thế mới gọi là người giỏi.

(17) Tên một ẩn sĩ cuối đời Tần đã cho Trương Lương sách binh thư để giúp vua Hán cao Tổ.

(18) Hang lạnh núi xanh.

Than nghèo

- 1 Chưa cháu ru mà quay mãi đây,
Nợ nần dan díu mấy năm nay.
Mang danh tài sắc cho nên nợ,
Quen thói phong lưu hóa phải vay,
Quân tử lúc cùng thêm thẹn mặt,
Anh hùng khi gấp cũng khoanh tay.
Còn trời, còn đất, còn non nước,
Có lẽ ta đâu mãi thế này ?
- 2 Có lẽ ta đâu mãi thế này,
Non sông lẫn thân máy thu chầy.
Đã từng tắm gội ơn mưa mức,
Cũng phải xên xang hội gió mây,
Hãy quyết phen này xem thử đã,
Song còn tuổi trẻ chịu chi ngay.
Xưa nay xuất xứ (1) thường hai lối.
Mãi thế rồi ta sẽ tính đây.

91 | Khảo Luận Về Nguyễn Công Trứ

4 *Mãi thế rồi ta sẽ tính đây,
Điền viên thú nọ vẫn xưa nay,
Giang hồ bạn lứa câu tan hợp,
Tùng cúc anh em cuộc tình say.
Tòa đá Khương Công (2) đôi khóm trúc.
Áo xuân Nghiêm Tử (3) một vai cày.
Thái bình vũ trụ càng thông thả.
Chẳng lợi danh gì lại hóa hay.*

5 *Chẳng lợi danh gì lại hóa hay,
Chẳng ai phiền lụy chẳng ai rầy,
Ngoài vòng cương tỏa (4) chân cao thấp,
Trong thú yêu hà (5) mặt tỉnh say.
Liếc mắt coi chơi người lớn bé,
Vênh râu bàn những chuyện xưa nay.
Của trời trăng gió kho vô tận.
Cầm, hạc, (6) tiêu dao (7) đặt nước này.*

(1) Xuất : ra gánh vác việc đời. - Xử : ở ẩn.

(2) Khương Công : hiệu của ông Lã Vọng thường ngồi câu ở bên bờ sông Vị sau ra giúp Vũ Vương.

(3) Nghiêm-Tử : hiệu của ông Nghiêm-tử-Lăng đời Đông Hán đi cày ở núi Phú-Xuân.

(4) Cương tỏa : (dây cương và khóa) chỉ sự ràng buộc của công danh.

(5) Yên hà : (khói và ráng) chỉ nơi ẩn dật.

(6) Cầm hạc : (đàn và hạc) Triệu thanh Hiền đời Tống đi làm quan ở đất Thục chỉ đem theo cái đàn và con chim hạc.

(7) Tiêu dao : dong chơi.

Thế thái nhân tình

*Thế thái nhân tình gó'm ché't thay,
Nhật nông trông chiếc túi vơi đầy.
Hễ không điều lợi khôn thành đại,
Đã có đồng tiền dở cũng hay.
Khôn khéo chẳng qua ba tác lưỡ'ỉ,
Hắn hoi không hết một bàn tay,
Suy ra cho kỹ chi hơn nữa,
Bạc quá vôi mà mỏng quá mây.*

Cách ở đời

*Ăn ở sao cho trải sự đời.
Vừa lòng cũng khó há rằng chơi.
Nghe như chọc ruột tai làm điếc,
Giận dẫu cắn gan miệng mỉm cười.
Bởi số chạy sao cho khỏi số,
Lụy người nên nổi phải chiều người
Mặc ai chớ để điều ân oán,
Chung cục thì chi cũng tại trời.*

Đi thi tự vịnh

*Đi không há lẽ trở về không,
Cái nợ cầm thư (1) phải trả xong,
Rắp mượn điền viên vui tuế nguyệt (2)
Dở đem thân thế hẹn tang bồng (3)
Đã mang tiếng ở trong trời đất,
Phải có danh gì với núi sông.
Trong cuộc trần ai, (4) ai dễ biết,
Rồi ra mới rõ mặt anh hùng.*

Chú thích :

(1) Cầm thư : (đàn và sách : hai thứ đồ dùng của người nho sĩ) : công học tập, ý nghĩa như chữ nợ sách đèn.

(2) Tuế nguyệt : năm, tháng.

(3) Tang bồng : (do chữ tang bồng hồ thi) chỉ làm trai vùng vẫy bốn phương.

(4) Trần ai : (bụi bậm) lúc hàn vi chưa hiển đạt.

Quân tử cố cùng

Tang bồng là cái nợ

Làm trai chỉ sợ áng công danh.

Phú quý tương dĩ hậu ngô sinh (1)

Bần tiện tương dĩ ngọc ngô thành, (2)

Cái vinh nhục, nhục vinh là đắp đổi,

Tùy năng thế thượng vong danh lợi, (3)

Tiện thị nhân gian nhất hóa công, (4)

Thôi thời thôi quân tử cố cùng,

Cùng khi ấy hẳn là thông khi khác,

Số tào vãn tùy cơ phó thác (5)

Chớ như ai chi chất cũng tay không,

Chơi cho phỉ chí tang bồng.

Chú thích :

1) Giời toan cho mình được hưởng cái cảnh phú quý.

2) Trước bất mình phải chịu cái cảnh nghèo khổ, để trau chuốt cái tài của mình.

95 | Khảo Luận Về Nguyễn Công Trứ

3) Người đời ai quên cái lòng danh lợi, chữ vong có bản chép tranh.

4) Là một ông hóa công trong cõi nhân gian.

5) Sự làm nên sớm hay muộn đều tự giới phó thác cho cả.

Cầm kỳ thi tửu

Thi tửu cầm kỳ khách

Phong vân tuyết nguyệt thiên

Nợ tang bông hẹn khách thiếu niên,

Cuộc hành lạc vầy vùng cho phỉ chí

Thơ một túi, gieo vần Đỗ, Lý (1)

Rượu lưng bầu rót chén Lưu Linh. (2)

Đàn Bá Nha (3) gãy khúc tính tang tình,

Cờ Đế Thích (4) đi về xe pháo mã.

Lúc vị ngộ Vị tân, Sẵn dĩ (5),

Lấy bút nghiên mà hẹn với non sông,

Xe Thang, Văn nhất đáng tao phùng (6)

Bao nhiêu nợ tang bông đem giả hết,

Tri mạnh thức thời duy tuần kiệt, (7)

Hữu duyên hà xứ bất phong lưu. (8)

Ngô nhân hà cụ hà ư (9)

Chú thích :

1) Đỗ Lý : Đỗ Phủ, Lý Bạch là hai người có tiếng hay thơ đời Đường bên Tàu.

2) Lưu Linh : người ẩn dật đời Tấn, rất hay uống rượu.

3) Bá Nha : người gảy đàn rất hay đời xưa.

4) Đế Thích : hiệu một ông tiên cao cờ.

5) Vị tân tên sông, ông Khương tử Nha (Thái công Vọng) lúc còn ẩn, thường câu cá ở sông ấy. Sắn dã : tên đất, ông Y Doãn lúc còn ẩn, thường cày ở đồng ấy.

6) Thang : hiệu vua nhà Thương vua Thang rước ông Y Doãn ở Sắn dã. Văn : hiệu vua nhà Chu : vua Văn Vương rước ông Khương tử Nha ở Vị thủy.

7) Chỉ người tuấn kiệt mới biết mệnh mình và thời thế.

8) Người dẫu gặp cảnh nào cũng có cái thú vui vẻ cả.

9) Người ta không nên lo sợ gì lắm.

Chơi xuân kéo hết xuân đi

*Gẫm cho kỹ đến bất nhân là tạo vật,
Đã sinh người, lại hạn lấy năm
Kẻ chi thăng lên bảy đũa lên năm,
Dẫn ba vạn sáu ngàn ngày là mấy chốc,
Lại mang lấy lợi, danh, vinh, nhục,
Cuộc đời kia lắm lúc bi hoan (1)
E đến khi hoa rửa trắng tàn,
Xuân một khắc dễ nghìn vàng đổi chác.
« Tế suy vật lý tu hành lạc (2)
« An dụng phù danh bạn thử thân (3)
Song bắt nhân mà lại chí nhân.
Hạn lấy tuổi (4) để mà chơi lấy.
Cuộc hành lạc bao nhiêu là lãi đấy,
Nếu không chơi thiệt ấy ai bù,
Nghề chơi cũng lắm công phu.*

Chú thích :

1) Bi : sự đau xót. Hoan : sự vui vẻ,

2) Suy xét vật lý như hoa cũng có lúc rửa, trắng cũng có lúc tàn thì người cũng nên chơi vui kéo muộn.

3) Cần gì để cái hư danh nó giàng buộc lấy mình.

4) Có kẻ nói hạn lấy trẻ.

Vịnh tiền

Hôi tanh chẳng thú vị gì,
 Thế mà ai cũng kể vì người yêu.
 Tạo vật bất thị vô để sự,
 Bòn chài ra một thứ quay chơi.
 Đủ vuông tròn tượng đất tượng trời,
 Khảm họa, phúc, nguy, yêu, tử, hoạt (2)
 Chốn kim môn, nơi tử thát (3)
 Mặc phao tuồng (4) không kẻ phòng nhàn.
 Đương om xòm chớp giạt sấm ran
 Nghe xóc xách lại gió hòa mưa ngọt.
 Kê tài bộ đã vào phùng vận đạt,
 Không người cùng ải với cỏ cây.
 Người yêm yêm (5) đành một phận trầm mai (6)
 Có gã lại trở ra rình gạc (7).
 Dốc đáy túi, mặt Nguyễn-Lang ngơ ngác (8)
 Trông đầu giường gan trắng sỡ bầu nhàu (9).
 Để đoàn ám á cầu rầu, khiến lũ tài danh vợ vắn,
 Khả quái tâm thường a đổ vật (10)
 Khước giáo đảo để đại thần linh, (11)
 Đương đồ ai chẳng chuộng gia huynh (12)
 Thù thế kẻ lấy làm đệ nhất.
 Tiếng xỏng xanh đầy trong trời đất.
 Thần cũng thông (13) hướng nữa là ai.
 Long đồ (14) nghĩ cũng nực cười,

99 | Khảo Luận Về Nguyễn Công Trứ

Chú thích :

- 1) Trời đất không phải là vô sự.
- 2) Tử : chết; hoạt : sống.
- 3) Kim môn, tử thất : những nơi công sở sang trọng.
- 4) Phao tuồng, cũng như luông tuồng, phóng túng, để cho ra vào tự ý.
- 5) Yêm yêm : không cất đầu được.
- 6) Trầm mai : chìm lấp.
- 7) Sừng gạc : ý nói hách dịch, oanh liệt.
- 8) Nguyễn-Lang : tức là Nguyễn-Phu đời Tấn, trầy Cối kê mà trong đây chỉ có một đồng tiền, nên có câu : nang nội tiền không, Nguyễn-Lang tu sáp.
- 9) Dịch câu sau này ra : sàng đầu kim tận, tráng sĩ vô nhan nghĩa là hết tiền thì dầu là tráng sĩ cũng khó nổi tươi cười được.
- 10) A đồ vật : vật ấy; tích ông Vương-di-Phủ đời Tấn, cả đời không nói đến tiếng « tiền » một hôm ngủ, lấy tiền xây quanh giường nằm, đến khi ông dậy, thì ông hỏi : hà bất cửa đồ vật sao không cất vật ấy đi. Câu ấy

ý nói tiền cũng là một vật tầm thường.

11) Sao lại thiêng liêng đến thế.

12) Gia huynh tiền, chữ gia huynh và chữ « kim muôn tử thất » trên kia, đều trích trong bài « tiền thần luận » ở sách Tàu.

13) Thần cũng thông : tích ông Trương diên Thường đời Đường, ông xử ngục rất công minh và liêm khiết, có một người bị tội nặng ông nhất định tra xét cho ra, bỗng thấy trên cái tráp ông có một bức thiếp xin chịu 3 vạn quan tiền, ông liền ném thiếp đi, bắt nha thuộc phải tra cho đáo án, lại thấy trên tráp có cái thiếp xin chịu 10 vạn quan tiền, ông bèn bảo thôi đừng tra tấn, người ta hỏi, ông đáp rằng : Tiền chí thập vạn khả dĩ thông thân.

14) Long đồ là ông Bảo-Chứng làm chức Long đồ các học sĩ, ông ấy xử ngục rất là thanh liêm mà tính ít cười.

Hàn nho phong vị phú

Chém cha cái khó ! Chém cha cái khó !

Khôn khéo mấy ai ? Xấu xa một nó.

*Lục cực (1) bày hàng sáu : rành rành kinh huấn (2)
chẳng sai.*

Vạn tội (3) lấy làm đầu, ấy ấy ngạn ngôn hẳn có.

Kia ai : bốn vách tường mo (4) ba gian nhà cỏ.

*Đầu kèo một lạc vẽ sao (5); trước cửa nhện giăng
màn gió (6).*

Phên-trúc ngăn, nửa bếp nửa buồng;

Ổng nửa dựng, đầu kê đầu dõ (dậu).

Đầu giường tre, mối giũ quanh co;

Góc tường đất trùn (giun) lên lổ nhỏ.

*Bóng nắng gội (7) trảng gà bên vách, thằng bé tri-
trô; Hạt mưa xoi hang chuột trong nhà, con mèo ngáp-
ngó (8).*

Trong cũi, lợn nằm gặm máng, đôi chẳng muốn kêu

Đầu giàn chuột lóc (9) khua niêu, buồn thôi lại bỏ.

*Ngày ba bữa vô bụng rau bịch-bịch; người quân tử
ăn chẳng cầu no :*

*Đêm năm canh an giấc ngày kho kho; đời thái bình
cửa thường bỏ ngỏ (10).*

*Ấm trà góp lá bàng là gói (vối), pha mùi chát-chát
chua-chua :*

*Miếng trầu (giầu) tēm vỏ mạn vỏ dà, buồn miệng
nhai-nhai nhỏ nhỏ.*

Áo vải thô nặng trĩch; lạnh làm mền, nực làm gỏi bốn mùa thay đổi bấy nhiêu.

Khăn lau giặt đở lòm, giải làm chiếu, vận làm quần : một bộ ăn chơi quá thú.

Đờ mờ hôi, vông lác (11) quạt mo :

Chống hơi đất, dép da guốc gỗ,

Miếng ăn sẵn cà non mướp luộc, ngon khéo là ngon;

Đồ chơi nhiều quạt sậy điệu tre, của đâu những của.

Đồ chuyên trà, ấm đất sứt vôi;

Cuộc uống rượu be sành chấp cổ.

Đồ cổ khí (12) bức tranh treo trên vách; khói bay lem-luốc, màu thủy-mạc mờ mờ.

Của tiêu đồng pho sách gác dầu giàn, gián nhắp lăm-nhăm, dẫu thả châu (12) do đở.

Cỗ bài lá ba đời (13) của tướng, hàng văn hàng sách lơ-mờ :

Bàn cờ xăng (gỗ) bảy kiếp (14) nhà ma, chữ nhật chữ điền xiêu-xó.

Lộc nhĩ điền (15) lúa chát đầy giường :

Phương lịch cốc (16) khoai vừa một giỏ.

Tiêu dụng lấy chi mà phao phóng, thường giữ ba cọc ba đồng;

Mùa màng dành để có bao nhiêu, chừng độ một triêng (17) một bó.

Mỏng lưng (18) xem cũng không giàu;

Nhiều miêng lấy chi cho đủ.

Đến bữa chưa sẵn bữa, con trẻ khóc như đàn ong.

Qua kỳ lại hẹn kỳ, nhà nợ kêu như ó.

Thuốc men rắc bòn chai gỡ bữa; song nghĩ câu ý đã
(19) thế nào cho đáng giá lương-y :

Thầy bà mong dối trá kiếm ăn, lại nghĩ chữ dững như
(20), phép chi được nổi danh pháp chủ (21).

Quẻ đã hạc (22) toan nhờ lộc thánh, trút muối đổ
biển, ta chẳng bỏ bèn :

Huyết chân long (23) toan bán đất trời, ngôi mã táng
cha tìm còn chữa chộ.

Buôn bán rắc theo nghề đỡ; song lạ mặt, chúng hòng
rước gánh, mập mờ cho hàng chẳng có lời.

Bạc cò toan gỡ con đen; chưa sẵn lưng, làng lại dành
nơi, hỏi gọn mũi dạm không ra thỏ.

Gặp khúc lươn, nên ít kẻ yên vì :

Giương mắt éch, biết vào đâu mượn-mỡ.

Đến lúc niên chung nguyệt quỹ, lấy chi tiêu đồng nợ
đồng công;

Gặp khi đường sẩy chân cùng, nên phải tới cửa này
cửa nợ.

Than thở to to nhỏ nhỏ ta đã mỗi cặng ngôi chì;

Dần-dà nợ nợ kia kia, nó những vuốt râu làm bộ.

Thầy tớ sợ men tìm đến cửa ngoảnh mặt cúi đầu

Chị em e vát lăm vào lưng chìa môi nhón mỡ.

Láng-giềng ít kẻ tới nhà;

Thân thích chẳng ai nhìn họ.

Mất việc toan trở nghề « cơ-tắc » (24), tủi con nhà
mà hô mặt anh em;

Túng đường mong quyết chí « cùng tư », (25) e phép
nước chưa nên gan sừng sỏ.

Cùng con cháu thuở nói năng chuyện cũ; đường
ngâm câu lạc đạo vong bản (26)

Gặp anh em, khi bàn bạc sự đời, lại đọc chữ vi nhân
bất phú (27).

Tất do thiên (28) âu phận ấy là thường;

Hữu kỳ đức (29) ắt giờ kia chẳng phụ.

Tiểu tài cả phải phạn ngư (38) bản trúc (31); dấu
xưa ông Phó (32) ông Hề; (33)

Cần nghiệp nho khi tạc bích (34) tụ hình (35); thuở
trước chàng Khuông, chàng Vũ. (36)

Nơi thành hạ gieo cần câu cá, kìa kìa người quốc sĩ
Hoài Âm (36 bis)

Chốn lý trung (37) xách thớt chia phần, nọ nọ đứng
muru thần Dương-Võ (38),

Khó ai bằng Mãi-Thần (39) Mông-Chính (40) cũng
có khi ngựa cười dù che; giàu ai bằng Vương-Khải (41)
Thanh-Sùng (42) cũng có hôi tường xiêu ngói đổ.

Mới biết : khó bởi tại giờ; giàu là cái số.

Dầu ai ruộng sâu trâu nái, đụn lúa kho tiền, cũng bắt
quá thủ tài chi lỗ (43).

Chú thích :

(1) Lục cực : sáu điều cực khổ : một là chết non, hai là ốm đau, ba là lo, bốn là nghèo, năm là tật, sáu là hèn yếu.

(2) Lời dậy của thánh kinh (đây chỉ kinh thư của Nho-giáo).

(3) Do câu ngôn ngữ : vạn tội bất như bản (muôn tội không tội gì bằng tội nghèo).

(4) Tường làm bằng mo cau.

(5) Con mọt đục cái kèo nhà thành lỗ hình như ngôi sao.

(6) Nhện giăng tơ tựa màn che gió.

(7) Cả câu nghĩa là : mái nhà thủng lỗ chỗ, ánh nắng soi qua các lỗ thủng, chiếu lên vách thành những hình tròn, trông tựa trứng gà, trẻ con lấy làm lạ, bập bẹ hỏi tại sao.

(8) Mái nhà thủng, nước mưa rơi qua và trúng vào hang chuột, mèo thấy tiếng động tưởng là có chuột đứng rình bên ngoài.

(9) Nhảy lên.

(10) Theo một câu chữ Hán : « Thái bình chi thế, ngoại hộ bất tể », ý nói đời thái bình, không cần đóng cửa vì không có trộm.

(11) Cói dùng để dệt chiếu.

(12) Cổ khí : đồ cổ.

(13) Đất đỏ tức là son dùng chấm bài.

(14) Ba đời bảy kiếp : cũ rích. (

15) Chữ trong kinh Thi ý nói là ruộng riêng của mình.

(16) Ăn khoai thay vào cơm (trừ cơm).

(17) Một gánh.

(18) Ít vốn (lưng vốn).

(19) Ở câu « y giả ý dã » sự làm thuốc cốt ở ý mình suy ra.

(20) Dũng như : mạnh mẽ vậy.

(21) Thầy cúng cao tay.

(22) Tên một bộ sách bói.

(23) Chân long : đất có long mạch (theo địa lý xưa).

(24) Đói thời làm bậy.

(25) Sách Luận ngữ : « tiểu nhân cùng tư lạm hỉ » nghĩa là kẻ tiểu nhân cùng quần thì làm bậy.

(26) Vui đạo đức nên quên sự nghèo khổ.

(27) Làm giàu không thể nhân đức được, làm điều nhân đức không thể giàu. (28) Ý nói giàu sang ắt ở trời định.

(29) Có đức riêng của mình.

(30) Chăn trâu.

(31) Xây đắp.

(32) Ông Phó Duyệt, người đời Thương, khi còn hàn vi gánh đất thuê, sau làm tể tướng.

(33) Ông Bách lý Hề người Chiến quốc lúc còn nghèo đói đi chăn trâu thuê, sau làm tướng đời nhà Tần.

(34) Đục vách; Khuông Hành, người đời Hán, không có đèn học phải đục bức vách để nhờ ánh sáng người láng giềng, sau làm tới Thái tử thiếu bảo.

(35) Chứa đom đóm : Xa Dận người đời Tần nhà nghèo phải bắt đom đóm bỏ vào chai để lấy ánh sáng học.

(36) Khuông Hành và Vũ Tử (tên hiệu của Xa Dận).

(36 bis) Hàn Tín, quê ở quận Hoài Âm, nhà nghèo thường đi câu cá dưới thành, có tiếng là kẻ sĩ rất giỏi trong nước và sau làm tướng giúp Hán cao Tổ.

(37) Trong làng.

(38) Trần Bình, người đất Dương Võ lúc còn nghèo thường làm việc chia phần cho người làng, sao làm mưu thần cho Hán cao Tổ.

(39) Chu mãi Thân người đời Hán, vừa kiếm củi, vừa học, sau đó làm quan.

(40) Lã mông Chính : người đời Tống nhà nghèo, chịu học rồi làm nên.

(41 và 42) Hai người giàu về đời Hậu Tấn nhưng về sau sa cơ nghèo đói.

(43) Một người tù giữ cửa, không làm nên sự nghiệp gì.

Nghĩa người đời

Ba vạn sáu ngàn ngày thấm thoát,

Tự mọc răng cho đến lúc bạc đầu.

Cõi nhục vinh gộp lại có bao lâu (1)

Ngồi thử gẫm thọ trời thêm khéo quá.

Núi tự tại, có sao, sống bất xả (2)

*Chim thì lông, hoa thì cánh, công đâu tạo hóa khéo
thừa trù.*

Từ nghìn trước để nghìn sau,

Kết cục lại một người riêng một kiếp.

Nhập thế cục bất khả vô công nghiệp, (3)

Xuất mẫu hoài tiện thị hữu quân, thân. (4)

Mà chữ « Danh » liền với chữ « Thân »;

Thân đã có, ắt danh âu phải có.

Này phút chốc kim rồi lại cổ,

Có hèn gì nay chẳng bằng nay.

Râu mày kia hời râu mày.

Chú thích :

(1) « Có » hoặc « chữa ».

(2) Núi ở yên một chỗ, sông thì nước chảy luôn luôn không dừng.

(3) Người ở đời phải làm nên công nghiệp.

(4) Người ta từ lúc ở lòng mẹ mới sinh ra đã có cái gánh quân (vua) thân (cha mẹ) rồi.

Hành tàng

*Đánh ba chén rượu khoanh tay giắc.
Ngâm một câu thơ vỗ bụng cười.
Cái công danh là cái lạ đời.
Vòng thân lý cát-nhân chi đã vội.
Giắt lỏng giang san vào nửa túi.
Rút nghiêng phong nguyệt cạn lưng bầu.
Cảnh cùng, thông, ai có bận chi đâu,
Mùi tiêu sái (1) với trần gian dễ mấy
Thơ rằng : Hữu danh nhàn phú quý.
Vô sự tiểu thần tiên,
Đáng anh hùng yên phận lạc thiên (2)
So trời đất cũng nhất ban xuân lý (3).
Khi lang miếu đã đành công danh ấy,
Lúc yên hà khước thị xuất nhân gian (4)
Hành tàng bất nhị kỳ quan (5).
Cõi đời mở mặt giang san thái hòa,
Còn xuân mai lại còn hoa.*

Chú thích :

(1) Vui vẻ.

(2) Yên phận mình, vui đạo trời.

(3) Lòng vui cũng như cảnh xuân của trời đất

(4) Ở ẩn ấy là hơn người đời.

(5) Hành : ra việc đời; tàng : còn ở ẩn, câu ấy ý nói rằng lúc làm quan, lúc còn ẩn cũng không khác nhau.

Người với tạo vật

*Việc đời đã chắc chắn đâu,
Lỡm lờ con tạo một màu trời người.
Hóa nhi đa hí lộng.
Đúc chuột ra rồi bắt bẻ lắm sao.
Khéo gán phân những việc đâu đâu,
Biết là máy phân hiệu bàn thác. (2)
Sơ sinh bất hạnh thành đầu giác (3)
Vạn lý ưng nan tích vũ mao (4),
Trót đã mang một tiếng anh hào,
Lại muốn chuốc cuộc nhàn sao phải.
Mặc xui khiến dám nghĩ đâu thành bại.
Đem thông-minh mà đền lại hóa quân
Thử xem cư tạo xoay vần.*

Chú thích :

(1) Tạo-hóa hay trêu người.

(2) Phân hiêu : rắc rối; bàn : chính chữ bàn căn, nghĩa là cái rễ lớn; thác : chính chữ thác tiết, nghĩa là cái mắt cây. Mấy chữ này dùng mà chỉ sự khó khăn.

(3) Ý nói chính mình sinh ra đã thành một người có danh tiếng.

(4) Không lẽ cao bay xa chạy mà lánh mình.

Phận sự làm trai

Vũ trụ chức phận nội (1)

Đứng trượng-phu (2) một túi kinh luân (3)

Thượng vị đức, hạ vị dân (4),

Sắp hai chữ « quân, thân » mà gánh vác.

Có trung hiếu nên đứng trong trời đất,

Không công danh thà nát với cỏ cây.

Chỉ tang-bồng hồ thử dạ nào khuây,

Phải hăm hở ra tài kinh tế (5).

Người thế trả nợ đời là thế.

Của đồng lân (6) thiên hạ tiêu chung ?

Hơn nhau hai chữ anh hùng.

Chú thích :

(1) Vũ-trụ chức phận nội : tất cả mọi việc trong vũ-trụ là ở trong chức phận kẻ làm trai phải gánh vác.

(2) Trọng phu : đúng làm trai tài giỏi.

(3) Kinh-luân : nghĩa đen : chỉ việc xe tơ; nghĩa bóng : chỉ việc xếp đặt chính trị.

(4) Thượng vị đức, hạ vị dân : vì kẻ bề trên giúp sức cho bề trên, vì kẻ dưới làm cho dân được sung-sướng.

(5) Kinh tế : (do chữ kinh bang tế thế) trị nước giúp đời.

(6) Đồng lần : (đồng : cùng; lần : lượt) của cải trên đời lưu thông không riêng của một ai.

Chí nam nhi

*Thông minh nhất nam tử,
Yến vi thiên hạ kỳ ()
Chót sinh ra thì phải có chi chi,
Chẳng lẽ tiên lưng ba vạn sáu.
Đố-kỵ sá chi con Tạo,
Nợ tang bồng quyết trả cho xong.
Đã xông pha bút trận, thì gắng gỏi kiếm cung
Làm cho rõ tu-mì nam tử.
Trong vũ trụ đã đành phận sự,
Phải có danh mà đối với núi sông.
Đi không, chẳng lẽ về không.*

Chú-thích :

(1) Hai câu 1-2 : một người con trai thông-minh phải làm nên kẻ khác thường trong thiên-hạ.

Chí làm trai

Vòng trời đất dọc ngang dọc,
Nợ tang bồng vay trả, trả vay.
Chí làm trai nam bắc đông tây,
Cho phỉ sức vẫy vùng trong bốn bể.
Nhân sinh tự cổ thùy vô tử,
Lưu thủ đan tâm chiếu hãn thanh (1).
Đã hẵn rằng ai nhục ai vinh,
Mấy kẻ biết anh hùng khi vị ngộ,
Cũng có lúc mưa dòn sóng vỡ.
Quyết ra tay buồm lái với cuồng phong,
Chí những toan xẻ núi lấp sông.
Làm nên đảng anh hùng đâu đấy tỏ,
Đường mây (2) rộng thênh thênh cử bộ.
Nợ tang bồng trang trắng vỗ tay reo,
Thảnh thơi thơ túi rượu bầu.

Chú thích :

(1) Nhân-sinh tự cổ thùy vô tử, lưu thủ đan tâm chiếu hãn thanh : từ trước đến nay đã làm người ai lại không chết, chỉ cốt giữ cho được tấm lòng son lưu lại với sử xanh.

(2) Đường mây : đường công danh hiển-đạt.

Quen thú vầy vùng

*Hồ thi đã quen tay vũ trụ,
Cầm thư chi lạ mặt quan hà !
Túi giang sơn bốn bể cũng là nhà,
Nền vương thổ cả trong trời đất Việt.
Ví chẳng điền viên vui tuế nguyệt,
Âu đem thân thể hẹn tang bồng.
Kém gì Nam Bắc Tây Đông,
Đường thư kiếm vầy vùng cho hết đất.
Di khuất trượng phu ưng bắt bắt, (1)
Bảo an quân tử tín vô vô. (2)
Cuộc trăm năm chữ « Tổ hành hồ », (3)
Bề khu xử, quy mô hoàn tự biệt.
Cung tường ấy cho thiên hạ biết,
Biết rằng ai nhỏ nhỏ to ?
May ra mở mắt rừng nho,
Quân dân một gánh, giang hồ cũng xong,
Nam nhi đáo thử thị hùng.*

Chú thích :

(1) Kẻ trượng phu chẳng chịu đôi chí khuất thân.

(2) Người quân tử không cầu no, không cầu yên.

(3) Được sao nên vậy.

Có chí thì nên

Cùng đạt có riêng chi mệnh số,
Hành tàng nào hẹn với văn chương ?
Đường công danh sau trước cũng là thường,
Con Tạo hóa phải rằng ghen ghét mãi !
Duyên ngư thủy còn dành cơ hội lại,
Quyết tang bổng cho phỉ chí trượng phu.
Trong trần ai, ai kém ai ru ?
Tài bộ thế khoa danh ở lại có.
Độc thư thiên bất phụ,
Hữu chí sự cánh thành.
Giang sơn đành có cạy nơi mình,
Mà vội mả anh hùng chi bấy nhẽ !
Đã sinh ra ở trong phù thế,
Nợ trần ai đành cũng tính xong.
Nhấn lời nói với non sông,
Giang sơn hầu dễ anh hùng mấy ai ?
Thanh vân trông đó mà coi.
Có chí thì nên (II)
Thành sự do thiên lý,
Gánh kiền khôn ai chẳng anh hùng !
Sách có câu : cùng, đạt, biến, thông,
Lại có kẻ dập dìu danh với lợi.
Hữu chí công danh tài bất lụy, (1)
Sơ lai bổng thả hựu hà phương. (2)
Dễ mấy ai thôi dốc đống lương,

*Mà người thế đã đem nhau vật sắc.
Làng khanh tướng xưa nay mấy mặt,
Cũng lắm phen nhục nhục vinh vinh,
Mới hay thiên địa đa tình.*

Chú thích :

(1) Có chí công danh tài chẳng lụy.

(2) Những mong tài hồ-thĩ từ hồi còn nhỏ thì có ngại gì.

Trên vì nước dưới vì nhà

*Tang bồng hồ nam nhi trái, (1)
Cái công danh là cái nợ nần.
Nặng nề thay ! đôi chữ « quân thân », (2)
Đạo vì tử vì thần đâu có nhẹ.
Cũng rắp điền viên vui tuế nguyệt,
Trót đem thân thế hẹn tang bồng.
Xếp bút nghiên theo việc kiếm cung (3)
Hết hai chữ « trung trinh » báo quốc,
Một mình để vì dân vì nước,
Túi kinh luân từ trước để nghìn sau.
Hơn nhau một tiếng công hầu.*

Chú thích :

(1) Sự tang bồng hồ-thỉ là cái nợ của kẻ nam nhi.

(2) Quân thân : vua với cha mẹ.

(3) Kiếm cung : gương với nỏ (nộ), ý nói việc đánh dẹp giặc giã.

Thú tổ tôm

Nhân sinh qui thích chí

Cuộc ăn chơi chi hơn thú tụ tam (1)

Tài kinh luân xoay dọc xoay ngang,

Cơ điều đặc quân ăn quân đánh,

Gọi một (2) tiếng người đều khởi kính,

Dậy (3) ba quân ai dám chẳng nhường.

Cát nếp lên bốn mặt khôn đương.

Hạ bài xuống tam khôi (4) chiếm cả.

Nay gặp hội quốc gia nhân hạ,

Nghĩ ăn chơi thú nọ cũng hay.

Gồm hai văn võ trong tay.

Chú thích :

(1) Tụ tam : nhóm ba quân, vì đánh tổ tôm cứ ba quân bà là một phu, nên gọi là tụ tam, mà tiếng nôm gọi là tổ tôm.

(2) Đánh tổ tôm hể bài mình có hai quân thời có quyền gọi (phông).

(3) Hể trong bài có ba quân một hàng thời thường úp xuống, khi gặp quân đồng hàng ấy ra thời vật lên gọi dậy khăn.

(4) Tam khôì : được ba ván luôn.

Cây thông

*Ngồi buồn mà trách ông xanh,
Khi vui muốn khóc, buồn tênh lại cười.
Kiếp sau xin chớ làm người,
Làm cây thông đứng giữa trời mà reo.
Giữa trời, vách đá cheo leo,
Ai mà chịu rét thì trèo với thông
Bài ca ngắt ngưỡng
Vũ trụ nội mạc phi phận sự,
Ông Hi văn (1) tài bộ đã vào lồng.
Khi thủ khoa, khi Tham tán, khi Tổng đốc Đông (2),
Gồm thao lược đã nên tay ngắt ngưỡng.
Lúc Bình Tây (3) cò đại tướng,
Có khi về Phủ doãn Thừa thiên
Đô môn giải tổ chi niên. (4)
Đạc ngựa bò vàng đeo ngắt ngưỡng.
Kìa núi nọ (5) phau phau mây trắng.*

*Tay kiếm cung mà nên dạng từ bi.
Gót tiên theo đủng đỉnh một đôi dì,
Bụt cũng nực cười ông ngất ngưỡng.
Được mất dương dương người thái thượng (6),
Khen chê phơi phới ngọn đông phong (7)
Khi ca, khi tửu, khi cắc, khi tùng. (8)
Không phật, không tiên, không vương tục.
Chẳng Trái Nhạc cũng vào phường Hàn, Phú (9),
Nghĩa vua tôi cho vẹn đạo sơ chung (10).
Trong triều ai ngất ngưỡng như ông !*

Chú thích :

(1) Hi Văn là biệt hiệu của cụ Nguyễn công Trứ.

(2) Tổng đốc tỉnh Hải-dương, và tỉnh Quảng yên.

(3) Bình Tây : đi đánh Trấn-tây tức là Cao-man.

(4) Cái năm ở chốn Đô-môn, cởi áo mũ mà về hưu-trí.

(5) Đây là chỉ núi Đại nại, chỗ có chùa Cảm-son, lúc cụ về hưu, vào tu ở đấy.

(6) Ý nói cũng như người đời thái cổ, không lấy được mất làm quan tâm. Có bản chép là Tái thượng : tích ông lão ở gần cửa ải mất ngựa không lấy làm buồn, được ngựa không lấy làm vui.

(7) Có bản chép : trận thu phong.

(8) Có bản chép : khi thơ khi rượu lúc trà thung.

(9) Trái có lẽ là Trái-Tuân người đời Hán; Nhạc là Nhạc-Phi người đời Tống; Hàn là Hàn Ký người đời Tống; Phú là Phú Bất, mấy người này đều làm danh tướng, có công nghiệp hiển hách với đời. Trái-Nhạc có bản chép Thái Nhạc. Hàn Phú có bản chép Mai-phúc.

(10) Trước sau.

Lúc cụ về hưu rồi, vào ở chùa Đại nãi, sau trở về lại thường lên chơi chùa Thiên-Tượng trên núi Hồng sơn, mỗi khi lên chùa đem cô đào đi theo, cho nên trong bài có câu « bụt cũng nực cười ông ngất ngưỡng », ông Phan sào Nam lúc còn học trò lên chơi chùa ấy có vịnh bài thơ trong có câu rằng :

*Hà như Uy viễn tướng quân thú,
Túy ủng hồng nhi thượng pháp môn*

Kiếp phù thế

*Sinh trong phù thế,
Chữ « vô cầu » là chữ thiên nhiên.
Đem bầm Trời, Trời cũng phải khuyên,
Khuyên khuyên chữ anh hùng yên sở ngộ.
Tạo Hóa có ghen chi mệnh số ?
Giang sơn nào oán với văn chương ?
Phận tài hoa đành có lúc vể vang,
Đường hoa mục xa nhau là mấy bước ?
Sống vô lớp sau như lớp trước,
Chỉ vậy vùng ai có kém ai đâu.
Thanh thời thơ túi rượu bầu,
Trần ai ai biết công hầu là ai ?
Làm rõ mặt anh tài.*

Nợ phong lưu

*Cõi trần thế nhân sinh là khách cả
Nợ phong lưu kẻ giả có người vay.
Trong trần gian ai biết ai hay.
Làm ra đáng phi thường cho rõ chí,
Quân tử dụng tâm vô đồ kỳ (1).
Trượng phu nhập thế hữu kinh quyền (2)
Bất oán nhân, diệc bất vu thiên (3)
Trong ba vạn sáu nghìn ngày đều thích chí.
Năm ba chén non nhân nước trí,
Một vài câu thơ thánh phú thần;
Nhỏn nhờ trong ánh hồng trần,
Sánh người chung đỉnh đại cân cũng vừa.
Thanh thời bầu rượu thi thơ.*

Chú thích :

- (1) Người quân tử dụng tâm không ghen ghét.
- (2) Kẻ trượng phu ra đời có lúc kinh, lúc quyền.
- (3) Không oán người, cũng không trách trời.

Văn cảnh chiều

*Trải non nước xa trông ban tịch chiếu,
Bức phong vân ai kéo vẽ vờ ?
Dưới kim ô bóng bạch nhận loi thoi,
Dòng bích lãng tiếng ngư ca gẩy gỏi.
Đầu lâm điệu sấn tà dương ngoại, (1)
Thừa tích ngư quy cổ độ đầu; (2)
Gió trăng say chénh choánh rượu lưng bầu,
Non nước hừng bẻ bai đàn mấy khúc.
Nhàn đủng đỉnh xanh xang gậy trúc,
Dục thẳng đồng thắt túi kiền khôn.
Thảnh thơi trong cõi khu toàn.*

Chú thích :

(1) Chim bay về rừng, sấn ngang mặt trời xế.

(2) Cá nhân lúc tối, đi về bến đò cũ.

Thành Thăng Long

*Chẳng thơm cũng thể hoa nhài,
Dầu không lịch sự cũng người Tràng An.
Hồi thủ khả lân ca vũ địa,
Đất Tràng An là cổ đế kinh;
Nước non một giải hữu tình,
Trời Nam Việt trước gây đồ đế kỷ.
Người thôn ổ, dấu phong lưu thành thị
Đất kinh kỳ riêng một áng lâm toàn.
Men sườn non tiếng mục véo von,
Im mặt nước buồn ngư lão chãi;
Hoa thảo kỷ kinh xuân đại tạ, ()
Giang sơn do tiểu cổ hưng vong; (2)
Đồ thiên nhiên riêng một bức tang thương,
Khách du lãm coi chừng thăm hỏi.
Đã mấy độ sao dời, vật đổi,
Nào vương cung đế miếu ở đâu nào ?
Mĩa mai vượn hót oanh chào.*

Chú thích :

(1) Cỏ hoa biết mấy lần thay đổi.

(2) Non nước còn cười cuộc thịnh suy.

Thoát vòng danh lợi

*Chen chúc lợi danh đà chán ngắt,
Cúc tùng (1) phong nguyệt (2) mới vui sao.
Đám phồn hoa (3) trót bước chân vào,
Sực nghĩ lại giật mình bao xiết kể.
Quá giả vãng nhi bất thuyết (4)
Cái hình hài làm thiệt cái thân chi (5).
Cuộc đời thử gẫm mà suy,
Bạn tùng cúc xưa kia là cố cựu
Hẹn với lợi danh ba chén rượu,
Vui cùng phong nguyệt một bầu thơ.
Chuyện cổ kim so sánh tựa bàn cờ,
Riêng vui thú giang sơn phong nguyệt.
Mặc xa mã thị thành không dám biết,
Thú yêu hà trời đất để riêng ta.
Nào ai ai biết chẳng là ?*

Chú-thích :

(1) Cúc tùng : (cây cúc và cây tùng) hai thứ cây mà người ẩn dật, ưa thích cũng dùng để chỉ hạng người ấy.

(2) Phong-nguyệt : (gió và trăng) thú trong cảnh thiên nhiên.

(3) Phồn hoa; chỗ đông đúc náo-nhiệt.

(4) Quá giả vãng nhi bất thuyết : không nói chi đến

chuyện trước.

(5) Chớ nên ham danh lợi bề ngoài mà làm khổ thân mình.

Cầm kỳ thi tửu

*Đường ăn chơi mỗi vẻ mỗi hay,
Đàn năm cung réo rắt tính tình dây,
Cờ đôi nước rập rình xe ngựa đó,
Thơ một túi phẩm đề (1) câu nguyệt lộ (2),
Rượu ba chung, tiêu sái (3) cuộc yên hà (5).
Thú xuất trần, tiêu vân là ta,
Sánh Hoàng Thạch, Xích Tùng, (6) ở cũng đáng.
Cầm tứ tiên nhiên, kỳ tứ sảng,
Thi hoài lạc hĩ, tửu hoài nồng (7)
Một chữ nhàn giá lại đáng muốn chung,
Người ở thế dẫu trăm năm là mấy.
Sách có chữ « Nhân sinh thích chí ».
Đem ngàn vàng chác lấy chuyện cười.
Chơi cho lịch (8) mới là chơi,
Chơi cho đài các, cho người biết tay.
Tài tình dễ mấy xưa nay,*

129 | Khảo Luận Về Nguyễn Công Trứ

Chú-thích :

(1) Phẩm-đề : phê lời khen.

(2) Câu nguyệt lộ : (nguyệt : trăng; lộ : sương mù) ý nói câu thơ ý hay.

(3) Chung : chén dùng để uống rượu.

(4) Tiêu-sát : không vương-vấn.

(5) Yên-nhà : (khói và rắng) thú ẩn-dật.

(6) Hoàng-Thạch Xích Tùng : tên hai vị tiên.

(7) Giọng đàn trong-trẻo, nước cờ minh-mẫn sáng sủa, túi thơ vui vẻ, chén rượu nồng-nàn.

(8) Lịch : từng trải, sành sỏi.

Chữ nhàn

Thị tại môn tiền nào,
 Nguyệt lai môn hạ nhàn (1)
 So lao tâm lao lực cũng một đàn,
 Người trần thế muốn nhàn sao được ?
 Nên phải giữ lấy nhàn làm trước,
 Dầu trời cho có tiếc cũng xin nài.
 Guộc nhân sinh chừng bảy tám chín mười mười
 Mười lăm trẻ, năm mười già không kể ?
 Thoạt sinh ra thì đã khóc chóc,
 Trần có vui sao chẳng cười khi
 Khi hỉ lạc, (2) khi ái ố, lúc sâu bi,
 Ghéa chi lắm một bầu nhân dục.
 Tri túc, tiện túc, dãi túc, hà thời túc,
 Tri nhàn, tiện nhàn, dãi nhàn, hà thời nhàn (3) ?
 Cầm kỳ thi tửu với giang sơn,
 Dễ mấy kẻ xuất trần xuất thế (4),
 Ngã kim nhật tại tội chi địa.
 Cố chi nhân tăng tiên ngã tọa chi (5),
 Ngàn muôn năm âu cũng thế ni
 Ai hay hát mà ai hay nghe hát ?
 Sông Xích Bích buông thuyền năm Nhâm tuất,
 Để ông Tô (9) riêng một thú thanh cao.
 Chữ nhàn là chữ làm sao ?

Chú thích :

(1) Chợ ở trước cửa thì huyền-náo (ghép chữ : chữ « môn » với chữ « thị » ở bên trong tức là chữ náo). Ánh trăng soi trước cửa tức là nhàn (ghép chữ môn với chữ nguyệt ở bên trong tức là chữ nhàn)

(2) Hỉ lạc, ái ố, sầu bi : mừng vui, yêu ghét, buồn thương.

(3) Biết đủ tức là đủ, đợi đủ bao giờ đủ ? Biết nhàn tức là nhàn, đợi nhàn bao giờ nhàn ?

(4) Xuất trần, xuất thế : ra khỏi cuộc đời bụi bặm.

(5) Chỗ ta đang ngồi, người xưa đã ngồi trước rồi.

(6) Tô : ông Tô đông Pha thường chơi thuyền trên sông Xích-bích.

Nhàn nhân với quý nhân

Cơn chéng choáng xoay vần trời đất lại,
Chóc ngâm-ngã xáo lộn cổ kim đi
Cái công danh là cái chi chi,
Quý nhân tưởng bất như nhàn-nhân quý.
Thú yên-hà gợi nơi thành thị,
Nhớ Đông-ba, Gia-hội (1) có hai câu.
Khi gió mát, lúc trăng thâu, dập dìu những văn nhân
tài-tử.

Trong ngọc đá vàng thau ai biết thử,
Có xanh xanh trên ấy đã cầm quyền.
Đua hồng sánh lạc bấy nhiêu niên,
Nào đã thấy hoa khô (2) là mấy mặt
Thôi cũng muốn Nam-vô Di-đà Phật,
Trút dở đem thân thể hẹn tang bồng,
Nghìn dặm đường một gánh non sông,
Còn tơ tưởng năm xưa cầm với hạc,
Thờ nhân bất thức dư tâm lạc,
Mượn phong tình mà giả nợ phong lưu.
Thanh nhàn ngâm một vài câu,
Biết đâu ấm lạnh biết đâu ngọt bùi.
Để cho đó gấm mà coi.

Chú thích :

(1) Đông-ba, Gia-hội, trên hai dãy phố ở phía đông bắc kinh thành Huế. Gần đó có hai cái cầu, chiều lại các khách làng chơi tới thưởng ngoạn thật là tấp-nập vui-vẻ.

(2) Hoa-khô : thứ hoa đẹp nhất, chỉ người tài hoa tuyệt thế.

Vịnh nhân sinh

*Ôi ! nhân sinh là thế ấy, như bóng đèn,
như mây nổi, như gió thổi, như chiêm bao.
Ba mươi năm hưởng thụ biết chừng nào,
Vừa tỉnh giấc nôi kê (n) chưa chín.
Vật thái mạt cùng vân biến ảo,
Thế đồ vô lực thủy dinh hư.
Cái hình hài đã chắc thiết chưa ?
Mà lẽo đẽo khóc sầu rứa mãi.
Trời đất hời có hình cũng hoại,
Ỗ chi chi mà chắc chắn chi chi.
Cuộc làm vui liệu phải kịp thì,
Khi đắc chí lại có khi thất chí.
Trông đó đó hãy suy cho kỹ,
Dầu xưa nay nào có trờ ai,
Có tài mà cậy chi tài.*

Chú thích :

(1) Kê là một giống lúa, chữ Hán gọi là hoàng lương. Thuở trước có kẻ nằm trong quán, chiêm bao thấy mình gặp cảnh sung sướng, được ba mươi năm, lúc tỉnh dậy thì người chủ quán nấu nồi kê còn chưa chín. Tích này thường dùng để chỉ sự sung sướng trên đời chẳng qua là một giấc chiêm bao.

(2) Trò đời thay đổi luôn cũng như mây lúc tan, lúc hợp.

(3) Cuộc đời khi lên khi xuống cũng như nước khi đầy khi vơi.

Tuổi già cưới hâu

*Trẻ tạo hóa ngân-ngơ lăm việc,
Già nguyệt ông cắc có (1) trêu nhau.
Kìa những người mái tuyết đã phau phau,
Run rẩy kẻ đào tơ còn mảnh mảnh.
Trong trướng gấm ngọn đèn hoa nhấp nhánh,
Nhất toạ lê hoa áp hải đường, (2)
Từ đây đà tạc đá ghi vàng.
Bởi đâu trước lứa tơ chấp chỉ,
Tân nhân dục vấn lang niên kỷ. (3)
Ngũ thập niên tiên, nhị thập tam, (4)*

*Tình đã chung lứa cũng phải vạm (5)
Suốt kim cổ lấy làm vận sự,
Trong trần thế duyên duyên nợ nợ,
Duyên cũng đành mà nợ cũng đành.
Xưa nay mấy kẻ đa tình,
Lão Trần (6) là một, với mình là hai.
Càng già càng dẻo càng dai.*

Chú thích : Lúc cụ bảy mươi ba tuổi, có cưới một cô hầu, nhân vịnh bài này.

(1) Thắc mắc, hay sinh chuyện.

(2) Một chùm hoa lê kề bên đóa hoa hải đường, ý nói người tóc đã bạc ngời kề bên kẻ má còn hồng.

(3) Người vợ mới muốn hỏi chồng tuổi bao nhiêu.

(4) Trước đây năm mươi năm, ta đã hai mươi ba tuổi, thế là đã bảy mươi ba tuổi.

(5) Vạm : một lứa ngang nhau.

(6) Lão Trần tức là ông Trần Tu người đời Lê, 73 tuổi thi đậu Tiến-sĩ, vua gả cho một vị Công chúa 17 tuổi.

Gánh gạo đưa chồng

Con cò lặn lội bờ sông,
 Gánh gạo đưa chồng tiếng khóc nỉ non,
 Lộ diệc vũ trùng trung chi nhất,
 Thương cái cò lặn lội bờ sông.
 Tiếng nỉ non gánh gạo đưa chồng,
 Ngoài nghìn dặm một trời một nước.
 Trông bóng nhạn băng khuâng từng bước,
 Nghe tiếng quyên khắc khoải năm canh.
 Nghĩa tép tôm ai nỡ dứt tình,
 Ôn thủy thổ phải đền cho vẹn sóng.
 Tràng tên đạn xin chàng bảo trọng.
 Thiếp lui về nuôi cái cùng con
 Cao bằng cách trở nước non.
 Minh trong trắng, có quy thân a hộ.
 Súc bay nhảy một phen nắng nỏ,
 Đá Yên nhiên (2) còn đó chẳng mòn.
 Đồng hưu (3) rặng chếp thẽ son,
 Chàng nên danh giá, thiếp còn trẻ trung.
 Yêu nhau khăng khít dải đồng.

Chú thích :

(1) Lộ : con cò; Vũ-trùng : loài có lông, con cò cũng là loài có lông.

(2) Yên nhiên : tên một quả núi bên nước Tàu, đời Hán đánh được Hung nô có lập bia kỷ công ở núi ấy.

(3) Đồng hưu : lúc giặc đã yên, nước vui vẻ mình cũng vui-vẻ. Câu đầu là câu ca dao, nhân đó đặt ra bài hát này để yên-ủi quân sĩ trong lúc đi đánh giặc Nùng văn Vân. Khi quân sĩ nghe bài ấy, ai cũng cảm kích phấn chấn. Câu ca dao ấy như sau này :

*Con cò lặn lội bờ sông,
Gánh gạo đưa chồng tiếng khóc nỉ non.
Nàng về nuôi cái cùng con,
Để anh đi chấy nước-non Cao-bằng.*

Yêu hoa

*Ngôi thử ngẫm trăm hoa ai nhuốm.
Một hoa là riêng một sắc, hương.
Khi chưa xuân khép nép bên tường,
Còn phong nhụy (nhị) đợi Đông hoàng (1) về cán
đáng (2)*

*Liễu tía đào hường mai trắng bạch,
Lan tươi huệ tốt lý xanh xanh.
Thêm hương khi gió lá mưa cành.
Mở mắt thấy giang san cười chúm chím
Khách thập thúy (3) say màu hoa diễm
Đối mặt hoa mà cảm mà kỳ mà tửu mà thi
Khuyên ai đừng giở cuộc ly-phi (4)
Trân trọng lấy hương giới cho trọn vẹn.
Hoa với khách như đà có hẹn,
Ưa màu nào màu ấy là xinh.
Trăm hoa cũng bẻ một cành.*

Chú thích :

(1) Đông hoàng : vua phương Đông, tức là chúa xuân.

(2) Cán đáng : chủ trương.

(3) Thập thúy : chọn sắc tốt, chỉ người chơi xuân.

(4) Ly phi : tả tơi, vùi dập.

Duyên gặp gỡ

*Minh quân lương tướng tao-phùng dị,
Tài tử giai nhân tể-ngộ nan.
Trai ang hùng gặp gái thuyền-quyên,
Trong nhất kiến tình duyên như đã,
Tỳ-bà hữu hạnh phùng Tư-Mã,
Quân tử đa tình cánh khả lân.
Nữ mấy người tài tử giai-nhân
Duyên chỉ thắm bỗng dần dần đưa lại.
Dầu nghìn dặm băng-sơn quế-hải.
Đã tình duyên xe lại cũng nên gần.
Liễu hoa vừa gặp chúa xuân,
Châu, Trần nào có Châu, Trần nào hơn.
Anh hùng hà xứ bất giang sơn.*

Chú thích :

(1) Đấng minh quân và bậc lương tướng gặp gỡ nhau dễ.

(2) Kẻ tài tử và kẻ giai nhân gặp nhau khó.

(3) Tỳ bà : tên đàn. Tư mã : Tên chức quan, nguyên đời Đường, ông Bạch-cư Di bị giáng chức ra làm quan ở Giang-châu, trong khi đưa khách ở bến Tầm dương bỗng gặp người đàn bà gảy khúc Tỳ bà, tiếng đàn nào-nùng làm cho khuây khỏa trong khi ly biệt.

(4) Quân tử là người đa tình nên lắm nỗi xót thương, câu này có bản chép : Lưu thủy đa tình chí Tử Vân.

(5) Chỉ những nơi xa cách.

Vịnh chữ tình

*Cái tình là cái chi chi
Dầu chi chi cũng chi chi với tình,
Đa tình là dở,
Đã mắc vào đó gỡ cho ra,
Khéo quấy người một cái tình ma,
Trái buộc kẻ hào hoa biết mấy.
Đã gọi người nằm thiên cổ dậy;
Lại đưa hồn lúc ngũ canh đi.
Nực cười thay lúc phân kỳ (1).
Trong chẳng nói biết bao nhiêu biệt lệ (2)
Tình huống (3) ấy dầu bút thần khôn vẽ,
Càng tài tình càng ngốc càng si
Cái tình là cái chi chi*

Chú thích :

(1) Chia rẽ, mỗi người một ngã.

(2) Lúc tương biệt có ý thương nhớ nhau mà nhỏ nước mắt

(3) Tình cảnh.

Vịnh sâu tình

Sâu ai lấp cả vòng giò,
Biết chẳng chẳng biết hồi người tình chung.
Xuân sâu mang mang tắc thiên địa,
Giống ở đâu vô ảnh vô hình.
Cứ tò mò quanh quẩn bên mình,
Khiến ngẩn ngẩn ngơ ngơ đủ chứng.
Hỏi giăng gió, gió giăng hờ hững,
Ngắm cỏ hoa, hoa cỏ ngậm ngùi
Gươm đao sâu, (2) thơ trực muộn (3) đủ rồi,
Còn lẽo đẽo vô trung sinh hữu.
Dục phá sâu thành tu dụng tửu (4),
Túy tự túy đảo, sâu tự sâu (5).
Rượu với sâu như gió mã ngư (6).
Trong lai láng biết tránh đâu cho khô.
Càng tài tử càng nhiều tình ái,
Cái sâu kia theo hình ấy mà ra.
Mua sâu tại kẻ hào hoa.

Chú thích :

(1) Lòng sầu rờn rợn đầy giời đất.

(2) Làm cho đứt mối sầu.

(3) Làm cho xa sự buồn.

(4) Sầu cũng như một bức thành muốn phá phải dùng rượu.

(5) Rượu cũng không phá được sầu, say tự say, mà sầu tự sầu.

(6) Gió mã ngư : ý nói xa nhau.

Nhớ tri âm

Điếu diều sơn nham viễn (1)

Uông-uông thủy sắc thâm (2)

Từ nước non mang lấy nợ mình cầm (3).

Hồn hồ điệp dập dình năm trống thổ (4)

Thơ rằng : « Án ngọc gương tình soi vạn cổ;

Đình trâm lửa kiếp nấu ba sinh ».

Cúc thu phong phảng-phất giắt bên màn,

Đàn tât-suất (5) u ơ vó khúc như (6).

Loan-phòng đã thấu tình chẳng chữa ?

Nợ để riêng ai then tuyết sương,

Đầu sông Tương, cuối sông Tương,

Đường gang tấc xa nhau chừng mấy lối.

Thơ buổi rượu luống qua trời sớm tối,

Bức cung thương dường phảng-phất bên tai.

Tương tư kia cũng mực cười.

Chú thích :

(1) Dáng núi trông xa mờ mờ.

(2) Sắc nước rờn rợn, sâu thẳm.

(3) Minh cầm : gảy đàn cầm, nguyên tích thầy Tử Tiễn làm quan áp Thiện-phủ, thường gảy đàn cầm, nên người ta thường dùng chữ « minh cầm » để làm điển quan huyện.

(4) Tất suất : con dê.

(5) Như : Mỗi tơ liễu, ý nói lòng thương nhớ bối rối như sợi tơ liễu vò lại.

Vịnh Thúy Kiều

*Đã biết má hồng thời phận bạc,
Trách Kiều nhi chưa vẹn tấm lòng vàng.
Chiếc quạt thoa đành phụ nghĩa Kim-lang,
Nặng vì « hiếu » nhẹ vì « tình » thời cũng phải.
Từ Mã giám Sinh cho đến chàng Từ Hải,
Cánh hoa tàn đem bán lại chốn thanh lâu.
Bấy giờ Kiều còn hiếu vào đâu,
Mà bướm chán ong chường cho đến thế !
Bạc mệnh chẳng làm người tiết nghĩa,
Đoạn trường cho đáng kiếp tà dâm.
Bán mình trong bấy nhiêu năm,
Đó đem chữ « hiếu » mà làm được ai !
Nghĩ đời mà ngán cho đời
Vịnh Tây Hồ
Dập dìu trắng mạn gió lèo (1)
Lông ngậm vân thủy, lơ lửng yên ba (2)
Cảnh tây hồ khen ai khéo đặt,
Trong thị-thành riêng một áng lâm tuyền.
Bóng kỳ đài giăng mặt nước như in,*

*Tàn thảo thụ lum xum tòa cổ sát (3)
Chiếc cô-lộ mảnh lạc hà bát ngát (4)
Hỏi năm nao vũ quán điệu đài (5).
Mà cỏ hoa man mác dấu thương đài (6),
Để khách rượu làng thơ ngơ-ngẩn.
Yên tiêu Nam quốc mỹ nhân tận, (7)
Oán nhập đông phong phương thảo đa (8)
Đồ thiên nhiên một áng yên ba,
Để khiến hứng câu thơ chén rượu.
Buồm nửa lá trắng thanh gió dịu,
Chiền (9) đâu đâu một tiếng chuông rơi,
Tây hồ cảnh biết mấy mươi.*

Chú thích :

(1) Mạn : mạn thuyền, lèo : lèo buồm.

(2) Vân thủy : mây và nước. Yên ba : khói và sóng.

(3) Cổ sát : chùa xưa.

(4) Cô lộ : con cò bay một mình. Lạc hà : ráng chiếu xuống, câu ấy bởi câu : « Lạc hà dữ cô lộ tề phi » mà dịch ra.

(5) Vũ quán : quán hát múa. Điệu đài : lầu câu cá.

(6) Thương đài : rêu xanh.

(7) Những người mỹ nhân tiền triều đã mất cả.

(8) Trông thấy những chùm cỏ thơm gặp trận gió đông càng giục tâm lòng hoài cảm.

(9) Chiền : chùa.

Vịnh tứ thời

XUÂN

*Xuân sang hoa cỏ đua tươi,
Khoe màu quốc sắc trẻ (1) mùi thiên hương.
Đầm ảm thuở tin xuân phút bắt,
Khí phát sinh rải rác trên cành.
Thử tập bay, bướm mới uốn mình,
Muốn học nói, oanh còn lựa tiếng.
Liễu hoàn cực lực oanh do tĩnh, (2)
Đào thí tân hồng điệp vị tri (3).
Mái đông phong mây liễu xanh rì,
Đám tàn tuyết đầu non trắng xóa,
Buổi hòa hủ (4) khí trời êm ả,
Hội đập thanh xa mã dập dìu.
Ngàn vàng một khắc xuân tiên (5)*

Chú thích :

(1) Trẻ : khoe, phô bày cho người ta biết.

(2) (3) Hai câu này nói xuân mới tới, cho nên liễu

đã xanh, mà oanh còn lặng lẽ, đào đã đỏ mà bướm còn hững hờ.

(4) Hòa hú : âm áp.

(5) Xuân tiêu : đêm xuân, dịch câu sau này ra : Xuân tiêu nhất khắc trị thiên kim nghĩa là một khắc đêm xuân đáng giá nghìn vàng.

HẠ

*Hạ sang tàn lửa càng cao,
Khúc ca giải phụ (n) lựa vào năm dây
Vận ống lữ (2) tiết vừa sang hạ,
Bính đĩnh (3) về hiệu gọi Chúc dung (4).
Quanh ngọn tường lửa lựu phun hồng,
Trên mặt nước tiền sen nảy lục.
Trì đường tịnh trưởng ông tôn trúc, (5)
Li lạc tề khai tử muội hoa (6)
Buổi thời huân (7) mấy khúc cầm ca,
Vớ trời đất cũng sinh sinh trưởng trưởng.
Hé mảnh, ngọn nam phong thoang thoang,
Người Hy Hoàng (8) dáng (9) cũng đường này,
Thú sao dễ mấy ai hay.*

Chú thích :

(1) Giải : gỡ ra; Phụ : nhóm lại, chữ giải phụ rút ở câu ca Nam-phong của vua Thuần như sau này : « Nam-

phong chi thời hè, khả dĩ phụ ngô dân chi tài; Nam-phong chi huân hè, khả dĩ giải ngô dân chi uẩn hè », nghĩa là gió nam phải thời kia vậy, có thể nhóm thêm của cho dân ta; gió nam hòa ẩm kia vậy, có thể giải được sự lo phiền cho dân ta.

(2) Ống lữ là ống trọng lữ thuộc về tiết mùa hạ.

(3) Bính đinh : hai chữ này ở trong thập can, thường chỉ mùa hạ.

(4) Chúc dung : thần chủ về lửa, coi mùa hạ.

(5) Trì đường : bờ ao, câu ấy ý nói về mùa hạ thời những khóm trúc mọc ở bờ ao tươi tốt, có cây già cây non, cũng như ông với cháu.

(7) Ly lạc : rào giậu, câu ấy nói mùa hạ thời các thứ hoa đẹp đẽ, có thứ lớn thứ bé, như chị và em.

(7) Thời luân; hai chữ ấy rút trong bài ca Nam-phong của vua Thuấn, đã nói ở trên này.

(9) Hy : vua Phục Hy Hoàng : vua Hoàng-Đế. Có bản chép : người Hi Hoàng dĩ thượng cũng dường này.

THU

*Trời thu phảng phất gió chiều,
Mây về Ngàn-Hồng, (1) buồm treo ráng vàng.
Sang thu tiết hơi may (2) hiu hắt,
Cụm sen già lã-chã phai hương.
Sơn nhuốm non đào cành lá đỏ,
Lạnh vũ như ti trùng chức dạ (3)
Tình thiên tác chỉ nhận thư không (4),
Phút đâu đâu một trận hảo phong
Trên cung Quảng xa đưa hương quế (5),
Giời biếc biếc nước xanh xanh một vẻ.
Khen Hóa công khéo vẽ nên đồ
Một năm được mấy mùa thu.*

Chú thích :

(1) Ngàn Hồng : tên riêng núi Hồng-lĩnh thuộc Hà tĩnh.

(2) Hơi may : hơi gió lạnh.

(3) Mùa thu mà hạt mưa dày chẳng chịt như sợi tơ con tằm dệt ra.

(4) Giời thu tạnh ráo hình như một tờ giấy, để cho con nhận bay qua bay lại viết vào đấy.

(5) Cung Quảng-hàn chỉ mặt trăng.

ĐÔNG

Trời đông hơi giá như đông,
Cái cơ lai phục đã trong hồ hàn (1).
Sang đông tiết hơi may lạnh lẽo,
Hội bể tàng chuyển máy âm-dương (2).
Lôi thôi chày nhận khoa sương,
Thấp thoáng bóng ngư câu tuyết,
Lăng hàn bích khắc tùng thiên xích (3),
Nại lãnh hoàng lưu cúc sổ khoa (4).
Ngoài quan-sơn tuyết đóng sương pha,
Kẻ hào hứng chốn khô kều đắc thú.
Điểm điểm trông chừng linh thiếu (5)
Phút tin xuân đã hé đầu cành,
Đành hay âm cực dương sinh.

Chú thích :

(1) Lai phục : nói khí dương đã giở lại. Hồ-hàn : lạnh lẽo.

(2) Bể tàng : bể đóng lại, tàng giấu đi, mùa đông là buổi năm gần hết, việc gì trong trời đất hình như cũng thu xếp lại cả.

(3) Cây tùng ngàn thước gặp giờ rét mà lá vẫn xanh.

(4) Cây cúc mấy khóm đương buổi lạnh mà hoa vẫn vàng.

(5) Linh thiêu : Chim linh thiêng của nhà phật. Ở bản của Lê Thước chép là linh sáu ý nói mùa đông cỏ vàng rụng các núi đều ra dáng gầy gò ý như thế không được hợp với ý xuân sắp tới ở hai câu sau.

Vịnh phật

Thuyền Từ một lá voi-vời (1),
 Bể trần chở biết mấy người trầm luân.
 Thiên thượng thiên hạ vô như phật,
 Nhỏ không trong mà lớn cũng không ngoài.
 Chiếc thuyền Từ một lá voi voi,
 Vớt chìm đắm đưa lên cõi tĩnh.
 Chữ « kiều tính » cũng là « suất tính » (2),
 Trong ống dòm đổ tiếng hư vô (3).
 Kê muốn đem nhân kỳ nhân, hỏa kỳ thư, lục kỳ cư (4),
 Song đạo thống hời rành rành công cứ,
 Bang y thiên lý hành tương khứ, (6)
 Đô tư nhân-tâm tổ xuất lai (7).
 Bát khang trang (8) chẳng chút chông gai,
 Cùng nghiêng ngả một dòng Hà-lạc (9).
 Trong nhật dụng sao rằng đạo khác,
 Cái luân hồi (10) chẳng ở đâu xa,
 Nghiệp duyên (11) vốn tại mình ra,
 Nơi vương-tắc (12) đủ thiên đường địa ngục.
 Vì chưa thoát lòng trần mắt tục,
 Nên mơ màng một bước một khơi,
 Khiến cho phiền muộn như lai (13)

Chú thích :

(1) Thuyền từ là bởi chữ từ phạm (lá buồm lạnh) trong kinh phật mà dịch ra.

153 | Khảo Luận Về Nguyên Công Trứ

(2) Kiến tính của sách phật cũng như suất tính trong sách nho, nghĩa là theo cái tính tự nhiên.

(3) Câu này ý nói người đời thấy hẹp, nên đổ tiếng cho đạo phật là hư vô; ống dòm, nghĩa là dùng ống mà dòm, ý nói thấy chật.

(4) Mấy chữ ấy nghĩa là đuổi thầy chùa về làm dân, đốt sách phật, phá chùa đem làm nhà ở, ấy là lời ông Hàn-Dũ nói trong bài biểu xin vua nhà Đường bỏ đạo Phật.

(5) Công cứ : ai cũng noi theo

(6) Ý nói đạo phật cũng nương ở lẽ trời mà ra.

(7) Đạo phật cũng bởi tự lòng người

(8) Bát : đồ dùng của thầy chùa : nghĩa bóng là đạo phật. Khang trang nghĩa là bằng phẳng rộng rãi

(9) Hà-Lạc bởi chữ Hà-đồ-Lạc thư nghĩa là đồ sông Hà và thư sông Lạc : câu ấy ý nói phật giáo cũng tương tự với nho giáo.

(10) Luân hồi : xoay vòng như bánh xe, nghĩa là kiếp người thay đi đổi lại.

(11) Nghiệp duyên : duyên kiếp.

(12) Vuông tác : lòng người.

(13) Như lai : hiệu của đức phật.

Vịnh Tiền Xích-bích

*Gió giăng chứa một thuyền đầy,
Của kho vô tận biết ngày nào vơi
Ông Tô-Tử (1) qua chơi Xích bích (2),
Một con thuyền với một túi thơ
Gió hiu hiu mặt nước như tờ,
Giăng chênh chếch đầu non mới ló.
Thuyền một lá xông ngang gành (3) bạch lộ (4),
Buông chèo hoa len-lỗi chốn sơn tương.
Ca rằng : Quế trạo hê lan tương (5),
Khích không minh hê tố lưu quang (6).
Diều diều hê dư hoài, (7)
Vọng mỹ nhân hê thiên nhất phương. (8)
Người y-ca (9) giéo giắt khúc cung thương,
Tiếng kêu lẫn tiếng ca vang đầy nước.
Sực nhớ kẻ quay ngọn giáo (10) vịnh câu thơ thuở
trước,
Nghĩ sự đòi thêm cảm nỗi phù du
Đành hay trời đất dành cho.
Hai kho phong nguyệt nghìn thu hãy còn,
Còn giờ còn nước còn non.*

155 | Khảo Luận Về Nguyễn Công Trứ

Chú thích :

(1) Tô tử Tô Thức.

(2) Xích bích : tên sông bên Tàu.

(3) Gành : Thác chỗ nước chảy.

(4) Bạch lộ mù trắng cảnh thu.

(5) Chèo quế, sào lan.

(6) Chèo thuyền trên mặt nước, có bóng trăng soi rạng.

(7) Bồn chồn lòng ta nhớ !

(8) Người bạn tốt ở phương khác xa cách.

(9) Ý ca theo điệu hát mà họa lại.

(10) Có bản chép : Sức nhớ kẻ cầm đuốc giáo...

Vịnh Hậu Xích-bích

Sông Xích bích vừng trăng vắng vặc,
Thầy Tô tìm thú cũ qua chơi.
Bóng quang-âm là đã mấy mươi,
Mà non nước dễ xui lòng cảm kích.
Thi thành nhất bức thiên sơn tịch, (1)
Cô hạc hoành giang lược tiểu châu (2).
Suốt năm canh bên gối mơ hồ,
Chiếc thuyền luống đi về trong bóng nguyệt
Trong cười nói hỏi tên gì chẳng biết,
Liếc trông ra vào thấy đâu nào ?
Ấy người hay hạc xinh sao ?

Chú thích :

(1) Lúc ngâm thơ xong thì xung quanh cảnh đã lặng ngắt.

(2) Con hạc bay xông qua trước thuyền.

Vịnh tỳ-bà

Cũng người hải giác thiên nha (1),
Cùng nhau gặp gỡ lạ quen.
Tâm-dương giang đầu dạ tống khách (2),
Bóng trắng thu thấp thoáng trên thuyền,
Tiếng tỳ bà ai khéo gây nên,
Xui lòng khách thiêu nha luống những.
Ai oán nhẽ, bốn dây vắng-vắng,
Như bất bình, như khắp, như tổ, như oán, như mộ.
Nực cười thay cái phận hồng nhan,
Nào những khách ngũ lăng (3) đâu vắng tá.
Yên thủy mang-mang thiên ngũ dạ, (4)
Tỳ bà khúc khúc nguyệt tam canh (5).
Bến Tầm dương cảnh ấy biết bao tình,
Chiếc thuyền luống đi về trong bóng nguyệt.
Người viễn thú biết chẳng chẳng biết ?
Khúc đàn này biết gảy cùng ai,
Giang đầu hạnh hữu khách lại.

Chú thích : Tỳ bà là tên cái đàn (đòn); trước kia ông Bạch cư Dị nhân gặp người đàn bà gảy đàn tỳ bà rất hay mà xấu số, ông mới làm cho nàng bài ca gọi là Tỳ bà hành, để tả cái tình cảnh của nàng.

(1) Góc bể chân trời.

(2) Bến Tầm dương lúc đêm đưa khách.

(3) Ngũ lǎng : một chỗ phồn hoa vui vẻ, những người trẻ tuổi thường tụ hợp ăn chơi.

(4) Trời đêm hơi nước mờ mờ.

(5) Trăng khuya tiếng đàn gáo giắt.

Câu đối

Câu đối Tết tự thuật

Bàn một chiếc lǎn chiêng, mặc sức tam dương khai thác.

Nhà hai gian bỏ trống, tha hồ ngũ phúc lâm môn.

Chiều ba mươi nợ hỏi tí mù, co căng đập thẳng Bàn ra cửa.

Sáng mông một rượu say túy lúy, giờ tay bông ông Phúc vào nhà.

Cụ lại có làm một câu đối vịnh tết cho anh mù rằng :

Tối ba mươi nghe nói giao thừa ờ ờ Tết,

Rạng mông một vấp nêu nguyên đán à à Xuân.

Thời làm tri huyện Đường Hào có đôi câu đối chữ Hán này :

Kha ủy thị dân nham, kinh cúc bất sinh bình lộ địa,

Duy thâm giả hoạn hải, ba đào vô nộ tái không chu.

(Lòng dân như núi lởm chởm đáng sợ thay, nhưng gai góc không sinh ra ở nơi đường phẳng.

Biển hoạn sâu thật nhưng sóng gió không giập chiếc thuyền không chở gì).

Gián chơi

Cũng may sao, công đăng hỏa có gì đâu, theo đòi nhờ phận lại nhờ duyên : quan trong năm bảy thứ, quan ngoài tám chín phen; nào cờ, nào quạt, nào mũ, nào đai, nào hèo hoa, guơm bạc, nào vòng tía, lọng xanh; mặt tài tình giữa hội công danh, khắp trời nam biển bắc đủ phong-lưu, mùi thế trải qua coi đã đủ;

Thôi quyết hẳn, cuộc phong trần chi nữa tá ! ngát ngưỡng chẳng tiên mà chẳng tục : hầu gái một đôi cô, hầu trai năm bảy cậu; này cờ, này hiệu, này rượu, này thơ, này đàn ngọt hát hay, này chè chuyên, chén mầu; tay thao lược ngoài vòng cương tỏa, lấy gió mát trăng thanh làm thích chí, tuổi trời còn mãi ấy là hơn.

Mắng sư

Cụ Thượng-Trứ một hôm đến chơi chùa, thấy một vế câu đối của sư cụ đề rằng :

*Đọc ba trăm sáu mươi quyển kinh, chẳng thần thánh
phật tiên nhưng khác tục;*

Cụ Thượng liền viết luôn bên cạnh một vế rằng :

*Hay tám vạn nghìn từ mặc kệ, không quân thần phụ
tử đểch ra người.*

Gián chơi

*Chị em ơi, ba mươi sáu tuổi rồi, khắp đông tây nam
bắc bốn phương trời, đâu cũng lừng danh công-tử xác?*

*Trời đất nhĩ, gặng một phen này nữa, xếp cung kiếm
cầm thư một gánh trí, làm cho nổi tiếng trượng-phu
kênh.*

Đọc bốn

Khi cụ Thượng-Trứ đang dẹp giặc ở Thượng-du, chợt có người thứ thiếp cụ lên theo hầu, cụ đọc bốn hai câu rằng :

*Đành nhẽ bút nghiên mà kiếm mã;
Thương ôi kim chi cũng phong-trần.*

ĐÃ Y không phải là một tập khảo luận thường thấy được viết bởi một người với một lập trường quan điểm nhất định. Trong tập sách này chúng tôi đã mời một số đồng người viết — gồm những nhà giáo, nhà văn, nhà phê bình có uy tín — cùng phát biểu ý kiến, theo chủ quan của từng người, về một vấn đề chung.

Chúng tôi không hề quy định một tiêu đề, một định hướng nào cho cuốn sách, ngoài việc chọn tác giả có điển hình đầu đề. Nếu tập sách này có khuyết điểm tất nhiên là thiếu tính cách liên tục nhất trí, thì nó cũng có được những ưu điểm đáng kể người đọc được dịp so sánh nhận định những khuynh hướng chia rẽ đối lập nhau trước một tác giả và nhờ sự đối chọi nhau ấy người đọc có thể trông thấy **CHÂN DUNG**

chân dung NGUYỄN DU

Khảo luận của :

VŨ HOÀNG CHUÔNG • NGUYỄN SỸ TẾ • NGUYỄN VĂN TRUNG
TRẦN BÍCH LAN • ĐÌNH HÙNG • ĐOÀN QUỐC SỸ • VIỆT
TỬ • TRẦN THANH HIỆP • PHẠM THẾNG • THANH
TÂM TUYÊN • VŨ KHẮC KHOAN • NGUYỄN THỊ SÂM

của tác giả một cách sâu sắc toàn vẹn hơn. Và chúng tôi thiết tưởng nội sự dị biệt phức tạp của nội dung cuốn sách đã là một giá trị để được bạn đọc khuyến khích rồi, vì phải chống điều kiện phát triển của một nền văn học bao giờ cũng khởi đi từ chỗ chia rẽ của những khuynh hướng.

Đối với học sinh, tập sách theo lối này có thể giúp cho họ thoát khỏi sự cùm xích của một mô ý tưởng làm sẵn ở nhà trường, tập lấy óc suy xét trước những mâu thuẫn, tìm tòi học lấy lối tư tưởng độc lập phóng khoáng, điều cần thiết cho sự mở mang trí tuệ. Họ sẽ nhận thấy một tác giả văn chương như Nguyễn-Du không thu gọn vào một bài văn học sử, mấy đoạn thơ trích giảng, vài luận đề trong lớp học. Chính nhờ sự hiểu biết rộng rãi ấy, chúng tôi hy vọng các giáo sư phần nào đỡ phải than phiền là học sinh quá nghèo nàn tư tưởng, chỉ biết «tái bản» một cách vô ý thức những đoạn mẫu trong các sách luận văn.

Tập **CHÂN DUNG NGUYỄN-DU** này được xuất bản với mục đích trên và mở đầu cho một loại sách mới của nhà xuất bản chúng tôi.

nam-so'n